VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

VĂN BẢN HỢP NHẤT - BỘ TÀI CHÍNH

Văn bản hợp nhất số 14/VBHN-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 hợp nhất Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Luật quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ

(Tiếp theo Công báo số 403 + 404)

DANH MỤC MẪU BIỂU

(Kèm theo Văn bản hợp nhất Thông tư hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ, các mẫu biểu của Thông tư số 156/2013/TT-BTC được sửa đổi - bổ sung được ban hành kèm theo Văn bản hợp nhất)

Mẫu số: **01-1/LPTB**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ NHÀ, ĐẤT[39]

Căn cứ hồ sơ và Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số...../ VPĐK ngày.... tháng..... năm 201.... của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất....., hoặc căn cứ hồ sơ của người nộp lệ phí trước bạ, cơ quan thuế..... thông báo nộp lệ phí trước bạ nhà đất như sau:

I. ĐỊNH DANH VỀ NGƯỜI NỘP THUẾ:

1. Tên chủ tài sản:.....

2. Mã số thuế (nếu có): .....

3. Địa chỉ gửi thông báo nộp tiền LPTB:.....

4. Đại lý thuế (nếu có):.....

5. Mã số thuế: .....

6. Địa chỉ: .....

II. ĐẶC ĐIỂM TÀI SẢN

1. Thửa đất số:..... **Tờ bản đồ số:**.....

Số nhà.... Đường phố..... Thôn (ấp, bản, phum, sóc)..... xã (phường) .....

2. Loại đất.....

3. Loại đường/khu vực: .....

4. Vị trí (1, 2, 3, 4....): .....

5. Cấp nhà:..... **Loại nhà:** .....

6. Hạng nhà: .....

7. Tỷ lệ (%) chất lượng còn lại của nhà: .....

8. Diện tích nhà, đất tính lệ phí trước bạ (m^2):.....

8.1. Đất: .....

8.2. Nhà (m^2 sàn nhà): .....

9. Đơn giá một mét vuông sàn nhà, đất tính lệ phí trước bạ (đồng/m^2): .....

9.1. Đất: .....

9.2. Nhà (theo giá xây dựng mới):.....

III. LPTB DO CƠ QUAN THUẾ TÍNH:

1. Tổng giá trị nhà, đất tính lệ phí trước bạ: .....

1.1. Đất (8.1 x 9.1):.....

2.2. Nhà (7 x 8.2 x 9.2):.....

2. Số tiền lệ phí trước bạ phải nộp (đồng): .....

(Viết bằng chữ:.....)

Nộp theo chương..... loại..... khoản..... hạng..... mục..... tiểu mục .....

3. Địa điểm nộp .....

4. Thời hạn nộp tiền: Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày người nộp thuế nhận được thông báo này. Quá thời hạn nêu trên mà người nộp thuế chưa nộp thì mỗi ngày chậm nộp phải trả tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế.

---

[39] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 1 Thông tư số 119/2014/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2014.

5. Trường hợp không thu lệ phí trước bạ: Chủ tài sản thuộc diện không phải nộp LPTB theo quy định tại (ghi rõ căn cứ theo VBQPPL áp dụng)

.....

.....

.....

.....

.....

6. Trường hợp miễn nộp lệ phí trước bạ: Chủ tài sản thuộc diện được miễn nộp LPTB theo quy định tại (ghi rõ căn cứ theo VBQPPL áp dụng)

.....

.....

.....

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với..... (*tên cơ quan thuế)*..... theo số điện thoại:..... địa chỉ:.....
(Cơ quan thuế)..... thông báo để người nộp thuế được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ *Ngày..... tháng..... năm 201.....* Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO** (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

II. PHẦN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP LỆ PHÍ TRƯỚC BẠ (dành cho cơ quan thu tiền):

1. Số ngày chậm nộp lệ phí trước bạ so với thông báo của cơ quan Thuế:

2. Số tiền phạt chậm nộp lệ phí trước bạ (đồng):

(Viết bằng chữ:

....., ngày..... tháng..... năm.....
THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **01/NTNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

(Dành cho trường hợp Bên Việt nam khấu trừ và nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài)

[01] Kỳ tính thuế: □ Tháng..... năm..... *hoặc* □ Lần phát sinh: Ngày..... tháng..... năm.....

[02] Lần đầu ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ ☐

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....

[05] Mã số thuế của bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Địa chỉ:..... **[07]** Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** E-mail:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[14] Địa chỉ:..... **[15]** Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** E-mail:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Nội dung	Mã số thuế	Hợp đồng số.. ngày/ tháng/ năm...	Doanh thu chưa bao gồm thuế GTGT	Ngày thanh toán	Thuế giá trị gia tăng (GTGT)				Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)				Tổng số thuế phải nộp vào Ngân sách Nhà nước
					Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ giá trị gia tăng	Thuế suất thuế giá trị gia tăng	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9=6x7x8)	(10)	(11)	(12)	[13=(10x11)-(12)]	(14)=(9)+(13)
1. Nhà thầu nước ngoài A (*)													
2. Nhà thầu nước ngoài B (*)													
3. Nhà thầu nước ngoài C (*)													
.....													
Tổng cộng:													

Tổng số thuế GTGT và thuế TNDN phải nộp kỳ này *(Viết bằng chữ)*:.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

...., ngày.....tháng.....năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: *(*) Trường hợp trong kỳ tính thuế có nhiều ngành kinh doanh thì ghi chi tiết theo từng ngành kinh doanh*

Mẫu số: **01/TNKDCK**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

GIẤY CHỨNG NHẬN TÀI KHOẢN LƯU KÝ CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU
(Kèm theo hồ sơ miễn, giảm thuế theo Hiệp định)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Tên khách hàng	Mã chứng khoán	Loại giao dịch (bán chứng khoán/lãi trái phiếu)	Đơn vị môi giới	Ngày giao dịch	Ngày thanh toán	Số lượng chứng khoán	Doanh số giao dịch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
Tổng cộng								

Ngày..... tháng..... năm 20.....
TỔ CHỨC XÁC NHẬN
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **01/HKNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HÃNG HÀNG KHÔNG NƯỚC NGOÀI
[01] Kỳ tính thuế: Quý..... năm.....
[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ ☐

[04] Tên Hãng hàng không nước ngoài:.....
[05] Nước cư trú:.....
[06] Địa chỉ trụ sở chính tại nước ngoài:.....
[07] Tên văn phòng/đại lý tại Việt Nam:.....
[08] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[09] Địa chỉ văn phòng/đại lý tại Việt Nam:.....
[10] Quận/huyện:..... **[11]** Tỉnh/thành phố:.....
[12] Điện thoại:..... **[13]** Fax:..... **[14]** E-mail:.....
[15] Tên đại lý thuế (nếu có):.....
[16] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[17] Địa chỉ:.....
[18] Quận/huyện:..... **[19]** Tỉnh/thành phố:.....
[20] Điện thoại:..... **[21]** Fax:..... **[22]** E-mail:.....
[23] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh quý này	Mã chỉ tiêu	Số lũy kế năm
I	Tổng doanh thu [24] = [26]+[27]+[28]	[24]		[25]	
1	Doanh thu bán vé hành khách	[26]			
2	Doanh thu bán vận đơn hàng không	[27]			
3	Doanh thu khác	[28]			
II	Các khoản giảm trừ doanh thu [29] = [30]+[31]	[29]			
1	Các khoản thu hộ	[30]			
2	Chi hoàn do khách hàng trả lại vé	[31]			
III	Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp [32] = [24]-[29]	[32]		[33]	
IV	Tỷ lệ (%) thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên doanh thu chịu thuế	[34]			
V	Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ [35] = [32]x[34]	[35]			
VI	Số thuế miễn, giảm theo Hiệp định trong kỳ	[36]		[37]	
VII	Số thuế phải nộp trong kỳ [38] = [35]-[36]	[38]		[39]	

Tôi xin cam đoan số liệu kê khai trên là đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số: **01-1/HKNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ
(Dành cho vận tải hàng không quốc tế, kèm theo Tờ khai mẫu số 01/HKNN)
[01]Kỳ tính thuế: Từ..... đến.....

[02] Tên Hãng hàng không nước ngoài:..... ..... [03]Nước cư trú: .....
[04] Tên/hô hiệu phương tiện vận tải:.....
[05] Tên văn phòng/đại lý bán vé tại Việt Nam:.....
[06] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[07] Tên đại lý thuế (nếu có):........
[08] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Kỳ vận chuyển	Cảng đi	Cảng đến	Tổng doanh thu bán vé tại thị trường Việt Nam	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	Thuế thu nhập doanh nghiệp đề nghị miễn, giảm
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Tổng cộng					

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:
- Cột (1) đến (3) ghi hành trình vận chuyển tương ứng với số liệu doanh thu vận chuyển theo quý. Đối với trường hợp được tạm miễn thuế từ đầu năm là số liệu doanh thu vận chuyển của năm nhưng tập hợp theo từng quý trong năm.
- Cột (4) ghi doanh thu tính thuế của người trực tiếp điều hành phương tiện vận tải.

Mẫu số: **01-2/HKNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ
(Dành cho trường hợp hoán đổi/chia chỗ trong vận tải hàng không quốc tế, kèm theo Tờ khai mẫu số 01/HKNN)
[01] Kỳ tính thuế: Từ..... đến.....

[02] Tên Hãng hàng không nước ngoài:..... ..... [03] Nước cư trú: .....
[04] Tên/hô hiệu phương tiện vận tải:.....
[05] Tên văn phòng/đại lý bán vé tại Việt Nam:.....
[06] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[07] Tên đại lý thuế (nếu có):.....
[08] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Kỳ vận chuyển	**Cảng đi**	**Cảng đến**	**Số chỗ hoán đổi/chia** (theo thỏa thuận hoán đổi/chia chỗ)	**Số chỗ hoán đổi thực tế**	**Doanh thu quy đổi**	**Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp**	**Thuế Thu nhập doanh nghiệp đề nghị miễn, giảm**
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng cộng							

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:
- Cột (1) đến (3) ghi hành trình vận chuyển tương ứng với số liệu doanh thu vận chuyển theo quý. Đối với trường hợp được tạm miễn thuế từ đầu năm là số liệu doanh thu vận chuyển của năm nhưng tập hợp theo từng quý trong năm.
- Cột (4) ghi số chỗ được sử dụng miễn phí quy định trong thoả thuận hoán đổi/chia chỗ.
- Cột (5) ghi số chỗ đã thực tế sử dụng trên máy bay của hãng đối tác.
- Cột (6) ghi doanh thu quy đổi đã là số tiền thu được từ khách hàng theo quý đối với số chỗ đã sử dụng thực tế không vượt quá hạn mức được sử dụng trên cơ sở thỏa thuận hoán đổi/chia chỗ. Đối với trường hợp được tạm miễn thuế từ đầu năm là số liệu doanh thu vận chuyển cả năm nhưng tập hợp theo từng quý trong năm.

Mẫu số: **01/VTNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI HÃNG VẬN TẢI NƯỚC NGOÀI

[01] Kỳ tính thuế: quý..... năm.....
[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ ☐

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....
[05] Mã số thuế của bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[06] Địa chỉ:..... **[07]** Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....
[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** E-mail:.....
[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....
[13] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[14] Địa chỉ:..... **[15]** Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....
[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** E-mail:.....
[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Tên hãng vận tải nước ngoài	Tên/hô hiệu phương tiện vận tải	Ngày/tháng/năm		Cảng đi	Cảng đến	Thuế giá trị gia tăng				Thuế thu nhập doanh nghiệp			
		Đến	Đi			Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ giá trị gia tăng	Thuế suất thuế giá trị gia tăng	Thuế giá trị gia tăng phải nộp	Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp	Số thuế được miễn, giảm theo Hiệp định	Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10=7x8x9)	(11)	(12)	(13)	(14=11x12-13)

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số: **01-1/VTNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ
(Dành cho trường hợp doanh nghiệp khai thác tàu, kèm theo Tờ khai 01/VTNN)
[01]Kỳ tính thuế: Quý.... năm....

[02] Tên hãng vận tải nước ngoài:..... [03] Nước cư trú:.....
[04] Tên/hô hiệu phương tiện vận tải:.....
[05] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....
[06] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[07] Tên đại lý thuế (nếu có):.....
[08] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Chứng từ vận chuyển	**Hóa đơn**		**Cảng đi**	**Cảng đến**	**Thông tin khách hàng** (tên, địa chỉ, mã số thuế)	**Tổng doanh thu vận chuyển thực tế**	**Số thuế phải nộp**	**Số thuế thu nhập doanh nghiệp miễn, giảm theo Hiệp định**
	Số	Ngày, tháng, năm phát hành						
(1)	(2a)	(2b)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tổng cộng								

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:
- Cột (1) đến (5) ghi trên cơ sở vận đơn xuất cho khách hàng
- Cột (6) ghi doanh thu tính thuế của người trực tiếp điều hành phương tiện vận tải không bao gồm tiền thuế đã trả cho doanh nghiệp khác tham gia vận tải từ cảng Việt Nam đến cảng trung gian

Mẫu số: **01-2/VTNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ THU NHẬP VẬN TẢI QUỐC TẾ
(Dành cho trường hợp hoán đổi/chia chỗ, kèm theo Tờ khai 01/VTNN)
[01]Kỳ tính thuế: Quý.... năm....

[02] Tên hãng vận tải nước ngoài:..... [03] Nước cư trú:.....
[04] Tên/hô hiệu phương tiện vận tải:.....
[05] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....
[06] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[07] Tên đại lý thuế (nếu có):.....
[08] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Chứng từ vận chuyển	**Hóa đơn**		**Cảng đi**	**Cảng đến**	**Khách hàng** (tên, mã số thuế, địa chỉ)	**Số chỗ hoán đổi/chia** (theo thỏa thuận hoán đổi/chia chỗ)	**Số chỗ hoán đổi thực tế**	**Doanh thu quy đổi**	**Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp**	**Số thuế thu nhập doanh nghiệp miễn, giảm theo Hiệp định**
	Số	Ngày, tháng năm phát hành								
(1)	(2a)	(2b)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
Tổng cộng										

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:
- Cột (1) đến (5) ghi trên cơ sở vận đơn xuất cho khách hàng
- Cột (6) ghi số TEU hoặc số chỗ được sử dụng miễn phí quy định trong thỏa thuận hoán đổi/chia chỗ
- Cột (7) ghi số TEU hoặc số chỗ đã thực tế sử dụng trên tàu của hãng đối tác
- Cột (8) ghi doanh thu quy đổi đã là số tiền thu được từ khách hàng đối với số chỗ đã sử dụng thực tế không vượt quá hạn mức được sử dụng

Mẫu số: **01-3/VTNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ DOANH THU LƯU CÔNG-TEN-NƠ
(Kèm theo Tờ khai 01/VTNN)
[01] Kỳ tính thuế: Quý.... năm....

[02] Tên hãng vận tải nước ngoài:..... [03] Nước cư trú:.....
[04] Tên/hô hiệu phương tiện vận tải:.....
[05] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....
[06] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[07] Tên đại lý thuế (nếu có):.....
[08] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Chứng từ vận chuyển	**Hóa đơn**		**Cảng đến**	**Thông tin khách hàng** (tên, mã số thuế, địa chỉ)	**Doanh thu lưu công- ten-nơ** (không bao gồm thuế giá trị gia tăng)	**Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp**	**Số thuế thu nhập doanh nghiệp miễn, giảm theo Hiệp định**
	Số	Ngày, tháng, năm phát hành					
(1)	(2a)	(2b)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
Tổng cộng							

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số: **01/TBH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ
ĐỐI VỚI TỔ CHỨC NHẬN TÁI BẢO HIỂM NƯỚC NGOÀI
[01] Kỳ tính thuế: Quý..... năm.....
[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....
[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[06] Địa chỉ văn phòng/đại lý tại Việt Nam:.....
[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....
[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** E-mail:.....
[12] Tên Tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài:.....
[13] Nước cư trú:.....
[14] Địa chỉ trụ sở chính tại nước ngoài:.....
[**15**] Mã số thuế tại nước cư trú:.....
[16] Tên đại lý thuế (nếu có):.....
[17] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[18] Địa chỉ:.....
[19] Quận/huyện:..... **[20]** Tỉnh/thành phố:.....
[21] Điện thoại:..... **[22]** Fax:..... **[23]** E-mail:.....
[24] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số phát sinh quý này	Mã chỉ tiêu	Số lũy kế năm
I	Tổng doanh thu [25] = [27]+[28]	[25]		[26]	
1	Doanh thu từ hoạt động tái bảo hiểm	[27]			
2	Doanh thu khác	[28]			
II	Các khoản giảm trừ doanh thu [29] = [30]+[31]	[29]			
1	Các khoản thu hộ	[30]			
2	Các khoản chi khác	[31]			
III	Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp [32] = [25]-[29]	[32]		[33]	
IV	Tỷ lệ (%) thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên doanh thu chịu thuế	[34]			
V	Thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong kỳ [35] = [32]x[34]	[35]			

VI	Số thuế miễn, giảm trong kỳ [36] = [38]+[39]	[36]		[37]	
1	Số thuế miễn, giảm theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần	[38]			
2	Số thuế miễn, giảm khác	[39]			
VII	Số thuế phải nộp trong kỳ [40] = [35]-[36]	[40]		[41]	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số: **01/TBH-TB**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

THÔNG BÁO *(Dự kiến)*[1]

Áp dụng miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và (tên Nước/ Vùng lãnh thổ ký kết) đối với các tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài có thu nhập từ kinh doanh, không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam

1. Đối tượng được miễn, giảm thuế theo Hiệp định: □

1.1	Tên đầy đủ: (viết hoa)..... *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề số*..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....
1.2	Tên sử dụng trong giao dịch.....
1.3.a	Địa chỉ tại Việt Nam:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ trên là: *A. Nơi làm việc* □ *B. Nơi lưu trú* □ *C. Văn phòng ĐD* □ *D. Cơ sở thường trú* □ *E. Khác* □ *Nêu rõ:*.....
1.3.b	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam *(nếu khác với địa chỉ nêu trên)*..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....
1.4	Mã số thuế tại Việt Nam*)*:..... Nếu không có nêu lý do:..... .....
1.5	Thời gian có mặt tại Việt Nam hoặc thực hiện hoạt động tại Việt Nam:.....
1.6	Địa chỉ tại Nước ký kết:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....
1.7	Tư cách pháp lý tại Nước ký kết: *A. Pháp nhân* □ *B. Liên danh không tạo pháp nhân* □ *AB. Khác (Nêu rõ.....)* □
1.8	Mã số thuế tại Nước ký kết:..... Nếu không có nêu lý do:.....

2. Đại diện được ủy quyền: □

2.1	Tên đầy đủ: (viết hoa)..... *A. CMND* □ *B. Hộ chiếu* □ *C. Giấy chứng nhận kinh doanh/đầu tư* □ *D. Khác (nêu rõ)* □ Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....
2.2	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....
2.3	Mã số thuế:..... Nếu không có nêu lý do
2.4	Giấy ủy quyền số..... ngày.....

[1] Thông báo (dự kiến) được lập thành 02 bản: 01 bản do đối tượng đề nghị áp dụng Hiệp định giữ và 01 bản lưu tại Cơ quan thuế.

2.5	Tư cách pháp lý			
	A. Pháp nhân	□	*D. Cá nhân hành nghề phụ thuộc*	□
	B. Liên danh không tạo thành pháp nhân	□	*E. Khác (Nêu rõ.....)*	□
	C. Đại lý thuế (nếu có)	□		

3. Đối tượng chi trả thu nhập:

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập, phải lập bảng kê kèm theo Thông báo này)

3.1	Tên đầy đủ: (viết hoa).....			
	A. CMND □		*B. Hộ chiếu* □	
	C. Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề □		*D. Khác (nêu rõ)* □.....	
	Số:.....			
	Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....			
3.2	Địa chỉ:.....			
	Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
3.3	Mã số thuế:.....			
	Nếu không có nêu lý do.....			
3.4	Tư cách pháp lý:			
	A. Pháp nhân	□	*C. Cá nhân hành nghề độc lập*	□
	B. Liên danh không tạo pháp nhân	□	*D. Khác (Nêu rõ.....)*	□

4. Nội dung miễn, giảm thuế:

4.1. Số thuế dự kiến thông báo miễn, giảm (*nếu có*):

4.2. Mức thuế suất thông báo áp dụng (trong trường hợp thông báo áp dụng mức thuế suất giảm):

4.3. Thời gian phát sinh thu nhập (*ghi rõ năm đề nghị áp dụng Hiệp định*):

5. Thông tin về giao dịch phát sinh thu nhập liên quan đến áp dụng Hiệp định:

5.1. Giải trình tóm tắt về giao dịch:

.....

.....

5.2. Giải trình khác:

5.3. Tài liệu gửi kèm:

i) Bản gốc/bản chụp đã được chứng thực Giấy chứng nhận cư trú do Cơ quan thuế của nước cư trú cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự (cho năm ngay trước năm nộp Thông báo (dự kiến)[2]); □

ii) Bảng kê các hợp đồng tái bảo hiểm đã hoặc dự kiến kí kết với các tổ chức, cá nhân tại Việt Nam (mẫu số 01-1/TBH-TB ban hành kèm theo TT số 156/2013/TT-BTC); □

iii) Giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền); □

iv) Tài liệu khác (nếu có). □

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	*..., ngày..... tháng..... năm.....*
Họ và tên:.....	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
	Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu

[2] Trường hợp đã nộp cho Cơ quan thuế bản gốc Giấy chứng nhận cư trú trong năm trước đó, có thể nộp bản sao Giấy chứng nhận cư trú đã được chứng thực.

Ghi chú:

1. Đề nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp.

2. Trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định, bên ủy quyền và bên được ủy quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kể cả phần 1 và 2 của Thông báo này.

PHẦN DÀNH CHO CƠ QUAN THUẾ
Cục Thuế..... Xác nhận Công ty..... Mã số thuế:..... Địa chỉ:..... 1. Đã nộp đầy đủ Hồ sơ Thông báo (dự kiến) thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và..... 2. Công ty..... được tạm thời chưa phải nộp thuế TNDN đối với thu nhập phát sinh từ các hợp đồng tái bảo hiểm đã ký và sẽ ký kết với các công ty tái bảo hiểm Việt Nam trong năm..... (*ghi rõ năm thông báo áp dụng Hiệp định*). 3. Trong vòng quý I của năm..... (*ghi rõ năm liền kề năm thông báo áp dụng Hiệp định*), Công ty..... có trách nhiệm gửi cho Cục Thuế..... các tài liệu sau để được miễn, giảm thuế theo Hiệp định: i) Bản gốc Giấy chứng nhận cư trú đã được hợp pháp hóa lãnh sự của năm tính thuế.... (*ghi rõ năm đề nghị áp dụng Hiệp định trong trường hợp tại thời điểm nộp Thông báo (dự kiến) chưa có Giấy chứng nhận cư trú của năm thông báo áp dụng Hiệp định*). ii) Thông báo (chính thức) theo mẫu số 02/TBH-TB ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính. iii) Bản chụp có xác nhận của người nộp thuế các Hợp đồng tái bảo hiểm đã thực hiện trong năm (bao gồm cả những hợp đồng đã có trong kế hoạch và những hợp đồng ngoài kế hoạch đã gửi Cơ quan thuế) nhưng chưa nộp cho Cơ quan thuế.

....., ngày..... tháng..... năm.....

CỤC TRƯỞNG

(hoặc) KT. CỤC TRƯỞNG

PHÓ CỤC TRƯỞNG

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: **01-1/TBH-TB**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ CÁC HỢP ĐỒNG TÁI BẢO HIỂM ĐÃ HOẶC DỰ KIẾN KÝ KẾT
(Kèm theo Thông báo (dự kiến) ngày.....)

[01]Tên tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài hoặc tổ chức được ủy quyền: .....
[02] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐
[03] Địa chỉ: .....
[04] Tên đại lý thuế (nếu có): .....
[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tên Hợp đồng	Đại diện ký kết		Ngày ký Hợp đồng	Giá trị Hợp đồng thực hiện (nếu có)	Hiệu lực Hợp đồng		Thuế nhà thầu phải nộp (nếu không được miễn theo Hiệp định)
		Bên Việt Nam *(ghi rõ tên, mã số thuế)*	Bên nước ngoài[1]			Ngày bắt đầu	Ngày kết thúc	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
...								

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

[1] Trường hợp Đại diện ký kết hợp đồng là Văn phòng đại diện, phải ghi rõ Văn phòng đại diện là đối tượng cư trú của Nước ký kết.

Mẫu số: **02/TBH-TB**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

THÔNG BÁO (*Chính thức*)
(Tiếp theo Thông báo (dự kiến) ngày...../...../.....)

Áp dụng miễn, giảm thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và..... đối với các tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài có thu nhập từ kinh doanh không thực hiện chế độ kế toán Việt Nam

1. Đối tượng được miễn, giảm thuế theo Hiệp định:

1.1	Tên đầy đủ:(viết hoa)..... *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề số*:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....			
1.2	Tên sử dụng trong giao dịch.....			
1.3.a	Địa chỉ tại Việt Nam:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:..... Địa chỉ trên là: *A. Nơi làm việc □ B. Nơi lưu trú □ C. Văn phòng ĐD □ D. Cơ sở thường trú □* *E. Khác □ Nêu rõ:*.....			
1.3.b	Địa chỉ giao dịch tại Việt Nam *(nếu khác với địa chỉ nêu trên)*..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
1.4	Mã số thuế tại Việt Nam*)*:..... Nếu không có nêu lý do.....			
1.5	Thời gian có mặt tại Việt Nam hoặc thực hiện hoạt động tại Việt Nam:.....			
1.6	Địa chỉ tại Nước ký kết:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
1.7	Tư cách pháp lý tại Nước ký kết:			
	A. Pháp nhân	□	B. Liên danh không tạo pháp nhân	□
	C. Khác (Nêu rõ.....)			□
1.8	Mã số thuế tại Nước ký kết..... Nếu không có nêu lý do			

2. Đại diện được ủy quyền:

2.1	Tên đầy đủ: (viết hoa)..... *A. CMND □ B. Hộ chiếu □ C. Giấy chứng nhận kinh doanh/đầu tư □* *D. Khác (nêu rõ)* □..... Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....
2.2	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....
2.3	Mã số thuế:..... Nếu không có nêu lý do.....

2.4	Giấy ủy quyền số.....ngày.....			
2.5	Tư cách pháp lý			
	A. Pháp nhân	□	D. Cá nhân hành nghề phụ thuộc	□
	B. Liên danh không tạo thành pháp nhân	□	*E. Khác (Nêu rõ.....)*	□
	C.Đại lý thuế	□		

3. Đối tượng chi trả thu nhập:

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập, phải lập bảng kê kèm theo Thông báo này)

3.1	Tên đầy đủ: (viết hoa)..... *A. CMND* □ B. *Hộ chiếu* □ C. *Giấy chứng nhận kinh doanh/đầu tư* □ *D. Khác (nêu rõ)* □..... Số:..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp.....			
3.2	Địa chỉ:..... Số điện thoại:..... Số Fax:..... E-mail:.....			
3.3	Mã số thuế:..... Nếu không có nêu lý do.....			
3.4	Tư cách pháp lý:			
	A. Pháp nhân	□	C. Cá nhân hành nghề độc lập	□
	B. Liên danh không tạo pháp nhân	□	*D. Khác (Nêu rõ.....)*	□

4. Nội dung miễn, giảm thuế:

4.1. Số thuế thông báo miễn, giảm (ghi rõ số tiền):

4.2. Mức thuế suất thông báo áp dụng (trong trường hợp thông báo áp dụng mức thuế suất giảm):

4.3. Thời gian phát sinh thu nhập (*ghi rõ năm đề nghị áp dụng Hiệp định*):

5. Thông tin về giao dịch phát sinh thu nhập liên quan đến áp dụng Hiệp định:

5.1. Giải trình tóm tắt về giao dịch:

.....

.....

5.2. Giải trình khác:

5.3. Tài liệu gửi kèm:

i) Bản gốc (hoặc bản chụp đã được chứng thực) Giấy chứng nhận cư trú do Cơ quan thuế của nước cư trú cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự trong năm tính thuế đó; □

ii) Bản chụp có xác nhận của người nộp thuế các Hợp đồng tái bảo hiểm đã thực hiện trong năm (bao gồm cả những hợp đồng đã có trong kế hoạch và những hợp đồng ngoài kế hoạch đã gửi Cơ quan thuế) nhưng chưa nộp cho Cơ quan thuế; □

iii) Giấy ủy quyền (trong trường hợp ủy quyền); □

Tôi cam đoan các thông tin, tài liệu đã cung cấp là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, tài liệu này./.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ	**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc**
Họ và tên:.....	**ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**
Chứng chỉ hành nghề số:.....	*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

Ghi chú:

1. Đề nghị đánh dấu (x) vào ô trống thích hợp.

2. Trường hợp người nộp thuế ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định, bên ủy quyền và bên được ủy quyền phải kê khai đầy đủ các thông tin kể cả phần 1 và 2 của Thông báo này.

Mẫu số: **02-1/TBH-TB**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
DANH MỤC HỢP ĐỒNG TÁI BẢO HIỂM
(Kèm theo Thông báo (chính thức) ngày.....)

[01] Tên tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài hoặc tổ chức được ủy quyền: .....

[02] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[03] Địa chỉ: .....

[04] Tên đại lý thuế (nếu có): .....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

STT	Loại Hợp đồng	Đại diện ký kết		Thời gian thực hiện hợp đồng	Trách nhiệm pháp lý và cam kết của các bên	Đối tượng có thẩm quyền kết hợp đồng	Các nội dung liên quan đến thuế trong hợp đồng
		Bên Việt Nam *(ghi rõ tên, mã số thuế)*	Bên nước ngoài[1]				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	A: Hợp đồng TBH P&I						
1							
2	.....						
	B: Hợp đồng TBH kỹ thuật						
1							
2	.....						
	.....						

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

Ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: - Trường hợp Đại diện ký kết hợp đồng là Văn phòng đại diện, phải ghi rõ Văn phòng đại diện là đối tượng cư trú của Nước ký kết.
- TBH: tái bảo hiểm

Mẫu số: **01/HTQT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

THÔNG BÁO
NOTICE

Áp dụng miễn, giảm thuế theo Hiệp định giữa Việt Nam và..... (tên Nước/Vùng lãnh thổ ký kết) đối với
Applying for tax exemption or reduction under the Avoidance of Double Taxation Agreement between Viet Nam and..... (name of the Contracting State/Party) for
☐ Tổ chức (Entity) *☐ Cá nhân (Individual)*

1. Đối tượng được miễn, giảm thuế theo Hiệp định: □
1. Beneficial owner entitled to tax exemption, reduction under the Agreement

1.1	Tên đầy đủ: (viết hoa)..... Full name: (in capitals) *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề* ☐ *Business license or Profession practicing license* *Hộ chiếu* ☐ *Passport* Số (No.):..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp..... Date of issue in issuing agency
1.2	Tên sử dụng trong giao dịch (*nếu là tổ chức*)..... Name used in transaction (*for entity only*)
1.3.a	Địa chỉ tại Việt Nam:..... Address in Viet Nam Số điện thoại (Tel):..... Số Fax (Fax):..... E-mail:..... Địa chỉ trên là (The above address is): *Văn phòng ĐD* □ *Cơ sở thường trú* □ *Nơi làm việc* □ *Nơi lưu trú* □ *Rep Office* *Permanent Establishment* *Workplace* *Domicile* *Khác* □ *Nêu rõ:*..... *Other* *Specify*
1.3.b.	Địa chỉ giao dịch hoặc làm việc tại Việt Nam *(nếu khác với địa chỉ nêu trên)*..... Address of transaction or of working place in Viet Nam (*if other than the above address*) Số điện thoại (Tel):..... Số Fax (Fax):..... E-mail:.....
1.4	Mã số thuế tại Việt Nam:..... Tax identification number in Viet Nam Nếu không có nêu lý do If there is no TIN, state the reason
1.5	Thời gian dự kiến thực hiện hoạt động (hoặc ở) tại Việt Nam:..... Expected duration of operation carried out (or stay) in Viet Nam
1.6	Quốc tịch: *Nước ký kết* □ *Nước khác* □..... Nationality *Contracting State* *Other*
1.7	Địa chỉ tại Nước ký kết:..... Address in Contracting State Số điện thoại (Tel):.....

	Số Fax (Fax):..... E-mail:..... Địa chỉ trên là (The above address is): *Nơi làm việc* □ *Nơi thường trú* □ *Khác* □ *Nêu rõ*:..... *Workplace* *Domicile* *Other* *Specify*			
1.8	Tư cách pháp lý tại Nước ký kết (Legal status in Contracting State):			
	Pháp nhân (*Legal entity)*	☐	Cá nhân (*Individual)*	☐
	Liên danh không tạo pháp nhân *Partnership not forming legal entity*	☐	*Khác (Nêu rõ.....)* *Other (Specify)*	☐
1.9	Mã số thuế tại Nước ký kết..... Tax identification number in Contracting State Nếu không có nêu lý do If there is no TIN, state the reason			

2. Đại diện được ủy quyền: ☐

2. Authorized representative

2.1	Tên đầy đủ: (viết hoa)..... Full name: (in capitals) *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề* ☐ *Business license or Profession practicing license* *Hộ chiếu* ☐ *CMND* □ *Passport* *ID* *Khác(nêu rõ)* □..... *Other (Specify)* Số (No.):..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp..... Date of issue in issuing agency
2.2	Địa chỉ (address):..... Số điện thoại (Tel):..... Số Fax:..... E-mail:.....
2.3	Mã số thuế:..... Tax identification number Nếu không có nêu lý do If there is no TIN, state the reason
2.4	Giấy ủy quyền số: ngày Letter of attorney dated

2.5	Tư cách pháp lý (Legal status)			
	Pháp nhân (Legal entity)	☐	*Cá nhân hành nghề độc lập* *Individual practicing independent service*	☐
	Liên danh không tạo thành pháp nhân *Partnership not forming legal entity*	☐	*Khác (Nêu rõ.....)* *Other (Specify)*	☐
	Đại lý thuế (Tax agent)	☐		

3. Đối tượng chi trả thu nhập/sử dụng lao động:

3. Income payer/employer

(Trường hợp nhiều đối tượng chi trả thu nhập hoặc sử dụng lao động, phải lập bảng kê kèm theo Thông báo này với đầy đủ các thông tin dưới đây)

(In case of more than one income payer or employer, a list thereof must be made together with this Notice with all the information below)

3.1.	Tên đầy đủ (Full name):..... *Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép hành nghề* ☐ *Business license or Profession practicing license* *Hộ chiếu* ☐ *CMND* □ *Passport* *ID* *Khác (nêu rõ)* □..... *Other (Specify)* Số (No.):..... Ngày cấp:...../...../..... tại..... Cơ quan cấp..... Date of issue in issuing agency			
3.2.	Địa chỉ (address):..... Số điện thoại (Tel):..... Số Fax:..... E-mail:.....			
3.3.	Mã số thuế:..... Tax identification number Nếu không có nêu lý do: If there is no TIN, state the reason			
3.4.	Tư cách pháp lý (Legal status)			
	Pháp nhân (Legal entity)	☐	*Cá nhân hành nghề độc lập* *Individual practicing independent service*	☐
	Liên danh không tạo pháp nhân *Partnership not forming legal entity*	☐	*Khác (Nêu rõ:.....)* *Other (Specify)*	☐

4. Nội dung miễn, giảm thuế:

Contents relating to tax exemption, reduction

4.1. Loại và tổng số thu nhập ước tính thông báo miễn, giảm thuế

Type of income and estimated total income applying for tax exemption, reduction

4.1.1. Loại thu nhập (Type of income):

□ Thu nhập từ bất động sản (Income from immovable property)

□ Thu nhập kinh doanh (Business profit)

□ Thu nhập từ vận tải quốc tế (Income from international traffic)

□ Thu nhập từ tiền lãi cổ phần (Dividends)

□ Thu nhập từ lãi tiền cho vay (Interest)

□ Thu nhập từ tiền bản quyền (Royalties)

□ Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản (Gains from the alienation of property)

□ Thu nhập từ hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập (Income from independent personal services)

□ Thu nhập từ tiền lương, tiền công (Salaries, wages)

□ Thù lao giám đốc (Directors' fees)

□ Thu nhập của nghệ sĩ và Vận động viên (Entertainers and Sportsmen)

□ Thu nhập từ tiền lương hưu (Pensions)

□ Thu nhập từ phục vụ Chính phủ (Government service)

□ Thu nhập của sinh viên và Thực tập sinh (Students and Apprentices)

□ Thu nhập của giáo viên, Giáo sư và Nhà nghiên cứu (Teachers, Professors and Researchers)

□ Thu nhập khác (Other income). Nêu rõ (Specify):.....

4.1.2. Tổng số thu nhập (Total income):.....

4.2. Thời gian phát sinh thu nhập:.....

Income-generating duration

4.3. Số thuế đề nghị miễn, giảm (hoặc mức thuế suất thông báo áp dụng Hiệp định trong trường hợp thông báo áp dụng mức thuế suất giảm):.....

Tax amount applying for exemption, deduction (or tax rate applying for application of the Agreement in case of applying for the reduced tax rate)

5. Thông tin về giao dịch phát sinh thu nhập liên quan đến áp dụng Hiệp định:

Information on transactions deriving the income liable to the tax amount applying for application of the Agreement

5.1. Giải trình tóm tắt về hoạt động kinh doanh/giao dịch phát sinh thu nhập:

Brief description of the business/transactions generating the income

.....

.....

5.2. Giải trình khác

Other descriptions

.....

5.3. Tài liệu gửi kèm:

Enclosed documents

i).....

ii).....

iii).....

.....

Tôi cam kết các thông tin và tài liệu đã cung cấp là trung thực và đầy đủ và xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin và tài liệu này./.

I pledge hereby that the supplied information and documents are true and complete and I shall take responsibility before law for these information and documents./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

....., day..... month..... year.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
CERTIFIED TAX AGENT

Họ và tên:.....
Full name

Chứng chỉ hành nghề số:.....
Profession lisence No.:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
TAXPAYER or
LEGAL REPRESENTATIVE OF TAXPAYER

(Ký tên, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)
(Sign, full name, title, and seal)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **02/NTNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

(Dành cho trường hợp Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay cho Nhà thầu nước ngoài)

[01] Kỳ tính thuế: Từ ngày..... đến ngày.....

[02] Lần đầu: ☐ [03] Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....

[05] Mã số thuế của bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Địa chỉ:..... **[07]** Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** E-mail:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[14] Địa chỉ:..... **[15]** Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** E-mail:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

[21] Hợp đồng nhà thầu số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Kê khai của bên Việt Nam ký hợp đồng			Ghi chú
		Kê khai	Quyết toán	Chênh lệch	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (4)-(3)	(8)
1	Giá trị hợp đồng				
2	Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng				
3	Doanh thu tính thuế phần việc được trừ của các Nhà thầu phụ (nếu có)				
4	Doanh thu tính thuế của Nhà thầu nước ngoài (4=2-3)				

5	Số thuế phải nộp của Nhà thầu nước ngoài (5=5a+5b)				
5a	a. Thuế giá trị gia tăng				
5b	b. Thuế thu nhập doanh nghiệp				
6	Số thuế đã nộp				
6a	a. Thuế giá trị gia tăng				
6b	b. Thuế thu nhập doanh nghiệp				
7	Số thuế còn phải nộp (7=5-6)				
7a	a. Thuế giá trị gia tăng (7a=5a-6a)				
7b	b. Thuế thu nhập doanh nghiệp (7b=5b-6b)				

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú:
- Trường hợp có nhiều nhà thầu phụ thì lập bảng kê chi tiết đối với từng nhà thầu phụ.
- Trường hợp có nhiều Nhà thầu nước ngoài thì lập bảng kê chi tiết đối với từng Nhà thầu nước ngoài.

Mẫu số: **02-1/NTNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ CÁC NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI
(Kèm theo Tờ khai Quyết toán thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu: 02/NTNN)
Kỳ tính thuế: từ ngày..... đến ngày.....

Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay:.....
Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

Tên đại lý thuế (nếu có):.....
Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

STT	Tên nhà thầu nước ngoài	Nước cư trú	Mã số thuế tại Việt Nam (Nếu có)	Mã số thuế tại nước ngoài (Nếu có)	Số Hợp đồng, ngày	Nội dung Hợp đồng	Địa điểm thực hiện	Thời hạn Hợp đồng	Giá trị của Hợp đồng		Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng		Số lượng lao động
									Giá trị nguyên tệ	Giá trị tiền Việt Nam quy đổi	Giá trị nguyên tệ	Giá trị tiền Việt Nam quy đổi	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10a)	(10b)	(11a)	(11b)	(12)
Tổng cộng													

..., ngày..... tháng..... năm....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

Mẫu số: 02-2/NTNN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
BẢNG KÊ CÁC NHÀ THẦU PHỤ THAM GIA HỢP ĐỒNG NHÀ THẦU
(Kèm theo Tờ khai Quyết toán thuế Nhà thầu nước ngoài mẫu: 02/NTNN)
Kỳ tính thuế: từ ngày..... đến ngày.....

Bên Việt Nam khấu trừ và nộp thuế thay (hoặc nhà thầu nước ngoài):.....
Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

Tên đại lý thuế (nếu có):.....
Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

STT	Tên nhà thầu phụ	Mã số thuế	Nhà thầu nước ngoài ký hợp đồng (Tên, mã số thuế)	Hợp đồng số, ngày	Nội dung hợp đồng	Địa điểm thực hiện	Thời hạn hợp đồng	Giá trị của hợp đồng		Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng	
								Giá trị nguyên tệ	Giá trị tiền Việt Nam quy đổi	Giá trị nguyên tệ	Giá trị tiền Việt Nam quy đổi
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9a)	(9b)	(10a)	(10b)
Tổng cộng											

..., ngày..... tháng..... năm....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số: **03/NTNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

(Dành cho nhà thầu nước ngoài trực tiếp nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế)

[01] Kỳ tính thuế: □ Tháng..... năm..... *hoặc* □ **Lần** phát sinh: Ngày..... tháng..... năm.....

[02] Lần đầu: □ **[03] Bổ sung lần thứ:** □

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□

[06] Địa chỉ:..... **[07]** Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** E-mail:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: □□□□□□□□□□ □□□

[14] Địa chỉ:..... **[15]** Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** E-mail:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

Nội dung công việc	Mã số thuế	Hợp đồng số... ngày... tháng...	Số tiền thanh toán kỳ này	Ngày thanh toán	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN)			
					Doanh thu tính thuế	Tỷ lệ thuế TNDN	Số thuế được miễn giảm theo Hiệp định	Thuế TNDN phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9=6x7-8)
Tổng cộng:								

Tổng số thuế TNDN phải nộp kỳ này *(viết bằng chữ)*:.....

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số: **04/NTNN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

(Dành cho nhà thầu nước ngoài trực tiếp nộp thuế TNDN theo tỷ lệ % trên doanh thu tính thuế)

[01] Kỳ tính thuế: Từ ngày..... đến ngày.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03] Bổ sung lần thứ:** ☐

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[06] Địa chỉ:..... **[07]** Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** E-mail:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[14] Địa chỉ:..... **[15]** Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** E-mail:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày.....

[21] Hợp đồng nhà thầu: Số..... ngày.....

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Kê khai	Quyết toán	Chênh lệch	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)	(6)
1	Giá trị hợp đồng				
2	Doanh thu chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng				
3	Doanh thu phần việc nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện được trừ (nếu có)				
4	Doanh thu tính thuế (4 = 2-3)				
5	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp				
6	Số thuế đã nộp				
7	Số thuế còn phải nộp (7 = 5-6)				

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

..., ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Ghi chú: *- Trường hợp có nhiều nhà thầu phụ thực hiện thì lập bảng kê chi tiết đối với từng nhà thầu phụ*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **01/CNKD**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài Chính

TỜ KHAI THUẾ ĐỐI VỚI CÁ NHÂN KINH DOANH[40]

(Áp dụng cho cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán và cá nhân kinh doanh nộp thuế theo từng lần phát sinh)

[**01**] Kỳ tính thuế:

☐ Năm..... (Từ tháng.....đến tháng.....)

☐ Tháng..... năm..... hoặc quý..... năm.....

☐ Lần phát sinh: Ngày.... tháng..... năm.....

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

[06] Ngành nghề kinh doanh.....

[07] Diện tích kinh doanh:..... **[07a]** Đi thuê ☐

[08] Số lượng lao động sử dụng thường xuyên:.....

[09] Thời gian hoạt động trong ngày từ..... giờ đến..... giờ

[10] Địa chỉ kinh doanh:.....

[11] Điện thoại:..... **[12]** Fax:..... **[13]** Email:.....

[14] Văn bản ủy quyền khai thuế (nếu có):..... Ngày.... tháng..... năm.....

[15] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[16] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

[17] Địa chỉ:.....

[18] Quận/huyện:..... **[19]** Tỉnh/thành phố:.....

[20] Điện thoại:..... **[21]** Fax:..... **[22]** Email:.....

[23] Hợp đồng đại lý thuế: Số:..... Ngày:.....

[24] Tên của tổ chức khai thay (nếu có):.....

[25] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

[26] Địa chỉ:.....

[27] Điện thoại:..... **[28]** Fax:..... **[29]** Email:.....

---

[40] Mẫu này thay thế mẫu số 01/THKH và 01A/KK-HĐ ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC theo quy định tại khoản 1 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

A. KÊ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT), THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN (TNCN)

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Nhóm ngành nghề	Chỉ tiêu	Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)		Thuế Thu nhập cá nhân (TNCN)	
			Doanh thu (a)	Số thuế phát sinh (b)	Doanh thu (c)	Số thuế phát sinh (d)
1	Phân phối, cung cấp hàng hóa *(Tỷ lệ thuế GTGT 1%, thuế TNCN 0,5%)*	**[30]**				
2	Dịch vụ, xây dựng không bao thầu nguyên vật liệu *(Tỷ lệ thuế GTGT 5%, thuế TNCN 2%)*	**[31]**				
3	Sản xuất, vận tải, dịch vụ có gắn với hàng hóa, xây dựng có bao thầu nguyên vật liệu *(Tỷ lệ thuế GTGT 3%, thuế TNCN 1,5%)*	**[32]**				
4	Hoạt động kinh doanh khác *(Tỷ lệ thuế GTGT 2%, thuế TNCN 1%)*	**[33]**				
	Tổng cộng:	**[34]**				

Xác định nghĩa vụ thuế TNCN phải nộp:

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã Chỉ tiêu	Số tiền
1	Doanh thu tính thuế TNCN do kinh doanh trong khu kinh tế	**[35]**	
2	Số thuế TNCN được giảm trong khu kinh tế	**[36]**	
3	Số thuế TNCN phải nộp **[37]=[34d]-[36]**	**[37]**	

B. KÊ KHAI THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT (TTĐB)

STT	Hàng hóa, dịch vụ chịu thuế tiêu thụ đặc biệt (TTĐB)	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Doanh thu tính thuế TTĐB	Thuế suất	Số thuế phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Hàng hóa, dịch vụ A.....	**[38a]**				(7)=(5)*(6)
2	Hàng hóa, dịch vụ B.....	**[38b]**				
3	.....					
	Tổng cộng:	**[38]**				

C. KÊ KHAI THUẾ/PHÍ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG HOẶC THUẾ TÀI NGUYÊN

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Sản lượng/ Số lượng	Giá tính thuế tài nguyên/mức thuế hoặc phí BVMT	Thuế suất	Số thuế phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	**Khai thuế tài nguyên**						
1.1	Tài nguyên C.....	**[39a]**					(8)=(5)*(6)*(7)
1.2	Tài nguyên D.....	**[39b]**					
	.....						
	Tổng cộng	**[39]**					
2	**Khai thuế bảo vệ môi trường**						
2.1	Hàng hóa E....	**[40a]**					(8)=(5)*(6)
2.2	Hàng hóa G....	**[40b]**					
	.....						
	Tổng cộng	**[40]**					
3	**Khai phí bảo vệ môi trường**						
3.1	Hàng hóa H....	**[41a]**					(8)=(5)*(6)
3.2	Hàng hóa K....	**[41b]**					
	.....						
	Tổng cộng	**[41]**					

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày..... tháng..... năm.....
NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- Tại chỉ tiêu doanh thu, sản lượng: Nếu là cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán thì kê khai doanh thu, sản lượng dự kiến trung bình 1 tháng trong năm; Nếu là cá nhân kinh doanh khai doanh thu theo từng lần phát sinh thì kê khai doanh thu, sản lượng phát sinh theo từng lần phát sinh.

- Trường hợp cá nhân kinh doanh theo hình thức hợp tác kinh doanh với tổ chức thì tổ chức khai thay kèm theo Tờ khai 01/CNKD Phụ lục Bảng kê chi tiết cá nhân kinh doanh theo mẫu 01-1/CNKD và không phải khai các chỉ tiêu từ [04] đến [14].

- Phần C chỉ áp dụng đối với cá nhân được cấp phép khai thác tài nguyên khoáng sản.

Mẫu số: **01-1/THKH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHỤ LỤC
CHI TIẾT GIẢM TRỪ GIA CẢNH CHO NGƯỜI PHỤ THUỘC

(Kèm theo Tờ khai thuế khoán mẫu số 01/THKH)

[01] Kỳ tính thuế: Năm..... (Từ tháng..... đến tháng.....)

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Giảm trừ gia cảnh của thành viên thứ 1 trong nhóm kinh doanh:

[06] Họ và tên:.....

[07] Mã số thuế: | | | | | | | | | | |

I. Người phụ thuộc đã có Mã số thuế/CMND/Hộ chiếu

STT [08]	Họ và tên [09]	Ngày, tháng, năm sinh [10]	Mã số thuế [11]	Quốc tịch [12]	Số CMND/ Hộ chiếu [13]	Quan hệ với người nộp thuế [14]	Thời gian được tính giảm trừ	
							Từ tháng [15]	Đến tháng [16]
1								
2								
3								
...								
...								

II. Người phụ thuộc chưa có Mã số thuế/CMND/Hộ chiếu

STT	Họ và tên	Thông tin trên giấy khai sinh							Quan hệ với người nộp thuế	Thời gian được tính giảm trừ	
		Ngày, tháng, năm sinh	Số	Quyển số	Nơi đăng ký						
					Quốc gia	Tỉnh/ Thành phố	Quận/ Huyện	Phường/ Xã		Từ tháng	Đến tháng
[17]	[18]	[19]	[20]	[21]	[22]	[23]	[24]	[25]	[26]	[27]	[28]
1											
2											
....											

Giảm trừ gia cảnh của thành viên thứ..... trong nhóm kinh doanh: *Trường hợp nhóm cá nhân thì các thành viên trong nhóm đều khai bảng giảm trừ gia cảnh tương tự như trên. Số thành viên tương ứng với số thứ tự trên bảng kê khai các khoản giảm trừ và tỷ lệ phân chia thu nhập chịu thuế của từng cá nhân trong nhóm kinh doanh tại phần B của Tờ khai thuế khoán mẫu số 01/THKH.*

Tôi cam đoan nội dung kê khai trên là đúng và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã kê khai./.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu số: **01/TBT-CNKD**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

CỤC THUẾ.....
CHI CỤC THUẾ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-CCT

....., ngày..... tháng..... năm.....

□ *Thông báo lần đầu trong năm*
□ *Thông báo điều chỉnh trong năm*

THÔNG BÁO[41]
Về việc nộp thuế
(Áp dụng cho cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán)

Kính gửi: Ông/bà..... *(tên người nộp thuế)*.....
Mã số thuế:.....
Địa chỉ:.....

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Tờ khai thuế của Ông/Bà.... *(tên người nộp thuế)*... và biên bản họp Hội đồng tư vấn thuế xã (phường, thị trấn).....; Xét đề nghị của Đội thuế....., Đội Tổng hợp - Nghiệp vụ - Dự toán, Đội Kê khai và Kế toán thuế;

Chi cục Thuế..... *(tên cơ quan thuế)*..... thông báo số tiền thuế Ông/Bà phải nộp như sau:

1. Cá nhân kinh doanh thuộc diện không phải nộp thuế Giá trị gia tăng, thuế Thu nhập cá nhân: ☐

2. Số thuế môn bài phải nộp trong năm:..... đồng. Tiểu mục.....

3. Tổng số thuế khoán phải nộp trong năm:..... đồng.

[41] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Cụ thể như sau:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế/phí	Tiểu mục	Số thuế/phí phải nộp			
			Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV
1	Thuế Giá trị gia tăng					
2	Thuế Thu nhập cá nhân					
3	Thuế Tiêu thụ đặc biệt					
4	Thuế Tài nguyên					
5	Phí Bảo vệ môi trường					
6	Thuế Bảo vệ môi trường					

4. Nơi nộp thuế:

☐ Nộp cho ủy nhiệm thu:.... *(Tên ủy nhiệm thu)....,* địa chỉ.....

☐ Nộp tại trụ sở cơ quan Thuế:..... địa chỉ.....

☐ Nộp tại kho bạc:..... địa chỉ.....

☐ Nộp tại ngân hàng:..... địa chỉ.....

5. Thời hạn nộp thuế

5.1. Thuế môn bài nộp chậm nhất là ngày.....

5.2. Đối với các loại thuế nộp theo quý thì thời hạn nộp tiền chậm nhất là ngày cuối cùng của quý.

Quá thời hạn nộp thuế nêu trên mà chưa nộp đủ số tiền thuế theo Thông báo này vào ngân sách nhà nước thì Ông/Bà phải chịu nộp tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Cơ quan thuế gửi kèm theo Thông báo lần đầu trong năm Bảng công khai thông tin cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán.

Cơ quan thuế công khai thông tin cá nhân nộp thuế khoán trên trang thông tin điện tử ngành thuế (http://gdt.gov.vn) và tại..... (địa điểm niêm yết)..... từ ngày 30 tháng 01 hàng năm.

Nếu có ý kiến phản hồi, đề nghị Ông/Bà liên hệ với..... *(tên cơ quan thuế)....* theo số điện thoại:..... địa chỉ:..... để được hướng dẫn cụ thể.

Chi cục Thuế..... *(tên cơ quan thuế)*..... thông báo để Ông/bà được biết và thực hiện./.

NGƯỜI NHẬN THÔNG BÁO THUẾ	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**
...., ngày..... tháng..... năm....	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
(Ký, ghi rõ họ tên)	

Mẫu số: **03/THKH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ HÓA ĐƠN, CHỨNG TỪ HÀNG HÓA, DỊCH VỤ BÁN RA
(Áp dụng cho hộ, cá nhân kinh doanh có sử dụng hóa đơn quyển)
(được bãi bỏ)[42]

[42] Mẫu này được bãi bỏ theo quy định tại khoản 4 Điều 5 Thông tư số 26/2015/TT-BTC hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Mẫu số: **01-1/TB-HĐ**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỤC THUẾ.....
CHI CỤC THUẾ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-CCT

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO NỘP BỔ SUNG THUẾ

(Áp dụng với hộ gia đình, cá nhân nộp thuế theo phương pháp khoán sử dụng hóa đơn quyển)

Kính gửi:

Ông/bà.....

Mã số thuế:.....

Địa chỉ:.....

Căn cứ quy định tại Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Tờ khai thuế của..... (*tên người nộp thuế*)..... nộp ngày... tháng.... năm....;

Chi cục thuế..... thông báo số tiền thuế Ông/bà phải nộp như sau:

1. Thuế Giá trị gia tăng:

Thuế Giá trị gia tăng nộp bổ sung của quý..... Năm.....

Số tiền:..... đồng. Tiểu mục:.....

2. Thuế Thu nhập cá nhân:

Thuế Thu nhập cá nhân nộp bổ sung của quý..... Năm.....

Số tiền:..... đồng. Tiểu mục:.....

SỐ THUẾ THU NHẬP CÁ NHÂN PHẢI NỘP BỔ SUNG CỦA TỪNG CÁ NHÂN TRONG NHÓM KINH DOANH

STT	Họ và tên	Mã số thuế	Tỷ lệ phân chia thu nhập (%)	Thu nhập chịu thuế tương ứng	Tổng các khoản giảm trừ	Thu nhập tính thuế	Thuế phải nộp	Thuế đã Thông báo khoán	Thuế phải nộp bổ sung
1									
2									
...									
Tổng cộng									

(Chú ý: Nếu chỉ có một cá nhân thì tỷ lệ phân chia thu nhập là 100%)

3. Nơi nộp thuế khoán:

☐ Nộp cho ủy nhiệm thu:.... *(Tên ủy nhiệm thu),* địa chỉ.....

☐ Nộp tại trụ sở cơ quan thuế:..... địa chỉ.....

☐ Nộp tại kho bạc:..... địa chỉ.....

☐ Nộp tại ngân hàng:..... địa chỉ.....

4. Thời hạn nộp thuế:

Ông/bà nộp số thuế trên chậm nhất là ngày 30 của tháng đầu quý sau.

Quá thời hạn nộp thuế nêu trên mà chưa nộp đủ số tiền thuế theo Thông báo này vào ngân sách nhà nước thì Ông/bà phải chịu nộp tiền chậm nộp theo quy định của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Nếu có vướng mắc, đề nghị Ông/bà liên hệ với..... *(tên cơ quan thuế)*..... theo số điện thoại:..... địa chỉ:..... để được hướng dẫn cụ thể.

Chi cục thuế..... thông báo để Ông/bà được biết và thực hiện./.

Người nhận thông báo thuế	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ**
... Ngày..... tháng..... năm.....	*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*
(Ký, ghi rõ họ tên)	

Mẫu số: **01/TTS**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ TÀI SẢN[43]
(Áp dụng cho cá nhân có hoạt động cho thuê tài sản hoặc tổ chức khai thay)

[01] Kỳ tính thuế:

☐ Năm...

☐ Kỳ thanh toán: từ ngày.../tháng..../năm... đến ngày.../tháng.../năm...

[02] Lần đầu: ☐ **[03]** Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

[06] Địa chỉ liên hệ:.....

[07] Điện thoại:..... [08] Fax:..... [09] Email:.....

[10] Số CMND (trường hợp cá nhân quốc tịch Việt Nam):.....

[11] Hộ chiếu (trường hợp cá nhân không có quốc tịch Việt Nam):.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... ngày...../...../.....

[21] Văn bản ủy quyền (nếu có): Số..... ngày..... tháng..... năm.....

[22] Tổ chức nộp thuế thay (nếu có):.....

[23] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ - ☐☐☐

[24] Địa chỉ:.....

[25] Điện thoại:..... **[26]** Fax:..... **[27]** Email:.....

---

[43] Mẫu này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Thông tư số 92/2015/TT-BTC hướng dẫn thực hiện thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 7 năm 2015 và áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập cá nhân từ năm 2015 trở đi. Các hướng dẫn về cá nhân kinh doanh nộp thuế theo phương pháp khoán có sử dụng hóa đơn của cơ quan thuế thì áp dụng cho kỳ tính thuế từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

A. PHẦN CÁ NHÂN KÊ KHAI NGHĨA VỤ THUẾ

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Tổng doanh thu phát sinh trong kỳ	**[28]**	
2	Tổng doanh thu tính thuế	**[29]**	
3	Tổng số thuế GTGT phải nộp	**[30]**	
4	Tổng số thuế TNCN phát sinh trong kỳ	**[31]**	
5	Doanh thu làm căn cứ tính giảm thuế	**[32]**	
6	Số thuế TNCN được giảm	**[33]**	
7	Tiền phạt, bồi thường mà bên cho thuê nhận được theo thỏa thuận tại hợp đồng (nếu có)	**[34]**	
8	Tổng số thuế TNCN phải nộp từ tiền nhận bồi thường, phạt vi phạm hợp đồng (nếu có)	**[35]**	
9	**Tổng số thuế TNCN phải nộp [36] = [31]-[33]+[35]**	**[36]**	

(TNCN: Thu nhập cá nhân; GTGT: Giá trị gia tăng)

B. PHẦN CƠ QUAN THUẾ GHI THÔNG TIN HỖ TRỢ NGƯỜI NỘP THUẾ THỰC HIỆN NGHĨA VỤ THUẾ

Đề nghị Ngân hàng/Kho bạc Nhà nước **[37]**.....

trích tài khoản số **[38]**:..... *(trường hợp nộp qua Ngân hàng)*.....

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN vào KBNN.....*(đồng cấp với cơ quan thuế quản lý)* .....

Cơ quan thuế quản lý khoản thu:.....

Tổng số thuế phải nộp NSNN:..... đồng. Trong đó:

- Số thuế GTGT (tiểu mục 1701):..... = **[30] phần A**..... đồng.
- Số thuế TNCN (tiểu mục 1014):..... = **[36] phần A**..... đồng.

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/TĐ-GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Dành cho các cơ sở sản xuất thủy điện hạch toán phụ thuộc EVN hoặc hạch toán phụ thuộc các Tổng công ty phát điện thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam

[01] Kỳ tính thuế: tháng..... năm hoặc quý..... năm.....

[02] Lần đầu: [ ] **[03]** Bổ sung lần thứ: [ ]

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: [ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ] [ ][ ][ ]

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: [ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ][ ] [ ][ ][ ]

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... **[20A]** ngày..... tháng..... năm.....

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Sản lượng điện (Kwh)	[21]	
2	Giá tính thuế	[22]	
3	Tổng trị giá tính thuế [23] = [21]x[22]	[23]	
4	Thuế suất (%)	[24]	
5	Thuế GTGT đầu ra [25] = [23]x[24]	[25]	
6	Số thuế GTGT đầu vào được khấu trừ của hoạt động sản xuất điện	[26]	
7	Số thuế GTGT phải nộp [27] = [25]-[26]	[27]	

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: *- GTGT: giá trị gia tăng*

Mẫu số: 01-1/TĐ-GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI NỘP CỦA HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN

(Kèm theo tờ khai thuế GTGT mẫu số 01/GTGT)

[01] Kỳ tính thuế: Tháng.... năm.... hoặc quý..... năm....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Tên nhà máy thủy điện	Mã số thuế	Số thuế GTGT đầu ra của hoạt động sản xuất thủy điện	Số thuế GTGT đầu vào của hoạt động sản xuất thủy điện	Số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất thủy điện
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)
1	Nhà máy thủy điện X				
2	Nhà máy thủy điện Y				
3	.....				
4					
	Tổng cộng				

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: *- GTGT: giá trị gia tăng*

Mẫu số: 01-2/TĐ-GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG PHẢI NỘP CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo tờ khai thuế giá trị gia tăng mẫu số 01/GTGT hoặc mẫu số 01/TĐ-GTGT)

[01] Kỳ tính thuế: tháng..... năm hoặc quý..... năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Tên nhà máy	Mã số thuế	Cơ quan thuế địa phương nơi phát sinh hoạt động sản xuất thủy điện	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế giá trị gia tăng phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Nhà máy thủy điện X				
			Cơ quan thuế A		
			Cơ quan thuế B		
2	Nhà máy thủy điện Y				
			Cơ quan thuế B		
			Cơ quan thuế C		
...	...		...		
Tổng cộng:					

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: 02-1/TĐ-TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính)

Phụ lục

BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP PHẢI NỘP CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG[44]

(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế TNDN mẫu số 03/TNDN)

[01] Kỳ tính thuế: ☐ Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã số thuế	Cơ quan thuế địa phương nơi phát sinh hoạt động sản xuất thủy điện	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
I	**Đơn vị thủy điện phụ thuộc I:**				
1	Nhà máy thủy điện X				
			Cơ quan thuế A		
			Cơ quan thuế B		
2	Nhà máy thủy điện Y				
			Cơ quan thuế C		
			Cơ quan thuế D		
...	...		...		
II	**Đơn vị thủy điện phụ thuộc II**				
1	Nhà máy thủy điện Z		....		
...	...		....		

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

[44] Mẫu này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Thông tư số 151/2014/TT-BTC hướng dẫn thi hành Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2014, riêng quy định tại Chương I Thông tư này áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập doanh nghiệp từ năm 2014.

Mẫu số: 03/TĐ-TAIN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN
(Dành cho cơ sở sản xuất thủy điện)

[01] Kỳ tính thuế: tháng..... năm hoặc quý..... năm.....
[02] Lần đầu: □ **[03]** Bổ sung lần thứ: □

[04] Tên người nộp thuế:.....
[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |
[06] Địa chỉ:.....
[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....
[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....
[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....
[13] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |
[14] Địa chỉ:.....
[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....
[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....
[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... **[20A]** ngày..... tháng..... năm.....
[21] Tên loại tài nguyên:
[22] Thuế suất (%):

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Nhà máy thủy điện	Mã số thuế	Sản lượng điện xuất tuyến (KWh)	Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	Thuế tài nguyên phát sinh trong kỳ	Thuế tài nguyên dự kiến được miễn giảm trong kỳ	Thuế tài nguyên phát sinh phải nộp trong kỳ
	[23]	[24]	[25]	[26]	[27] = [25]x [26]x[22]	[28]	[29]=[27]- [28]
1	Nhà máy thủy điện X:						
2	Nhà máy thủy điện Y						
....	...						
Tổng cộng							

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: 03-1/TĐ-TAIN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
BẢNG PHÂN BỔ SỐ THUẾ TÀI NGUYÊN PHẢI NỘP
CỦA CƠ SỞ SẢN XUẤT THỦY ĐIỆN CHO CÁC ĐỊA PHƯƠNG
(Kèm theo tờ khai thuế Tài nguyên mẫu số 03/TĐ-TAIN hoặc tờ khai quyết toán thuế tài nguyên mẫu số 03A/TĐ-TAIN)

[01] Kỳ tính thuế: ☐ Tháng..... năm.....
☐ Năm.....

[02] Tên người nộp thuế:.....

[03] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[04] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã số thuế	Cơ quan thuế địa phương nơi phát sinh hoạt động sản xuất thủy điện	Tỷ lệ phân bổ (%)	Số thuế tài nguyên phải nộp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Nhà máy thủy điện X:				
			Cơ quan thuế A		
			Cơ quan thuế B		
2	Nhà máy thủy điện Y				
			Cơ quan thuế C		
			Cơ quan thuế D		
...	...				
Tổng cộng					

..., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: 03A/TĐ-TAIN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN

(Dành cho cơ sở sản xuất thủy điện)

[01] Kỳ tính thuế: Năm.....

[02] Lần đầu: □ **[03]** Bổ sung lần thứ: □

[04] Tên người nộp thuế:.....

[05] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[06] Địa chỉ:.....

[07] Quận/huyện:..... **[08]** Tỉnh/thành phố:.....

[09] Điện thoại:..... **[10]** Fax:..... **[11]** Email:.....

[12] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[13] Mã số thuế: | | | | | | | | | | | | | |

[14] Địa chỉ:.....

[15] Quận/huyện:..... **[16]** Tỉnh/thành phố:.....

[17] Điện thoại:..... **[18]** Fax:..... **[19]** Email:.....

[20] Hợp đồng đại lý thuế: Số..... **[20A]** ngày..... tháng..... năm.....

[21] Tên loại tài nguyên:

[22] Thuế suất (%):

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Nhà máy thủy điện	Mã số thuế	Sản lượng điện xuất tuyến (KWh)	Giá tính thuế đơn vị tài nguyên	Thuế tài nguyên phát sinh trong kỳ tính thuế	Thuế tài nguyên dự kiến được miễn giảm trong kỳ tính thuế	Thuế tài nguyên phát sinh phải nộp trong kỳ tính thuế	Số thuế tài nguyên đã khai trong kỳ tính thuế	Số thuế chênh lệch so với số quyết toán
	[23]	[24]	[25]	[26]	[27] = [25]x[26]x[22]	[28]	[29] = [27]-[28]	[30]	[31] = [29]-[30]
1	Nhà máy thủy điện X								
2	Nhà máy thủy điện Y								
....	....								
Tổng cộng									

Tôi cam đoan số liệu kê khai trên là đúng sự thật và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã kê khai./.

...., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01A/TNDN-DK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP TẠM TÍNH ĐỐI VỚI DẦU KHÍ

[01] Dầu thô: ☐ [02] Condensate: ☐ [03] Khí thiên nhiên: ☐

[04] Kỳ tính thuế: Ngày... tháng... năm hoặc tháng... năm...

(Đối với dầu thô và condensate là ngày, tháng, năm; Khí thiên nhiên là tháng, năm)

[05] Lần xuất bán thứ: ...

[06] Lần đầu ☐ [07] Bổ sung lần thứ: ☐

[08] Xuất khẩu: ☐ [09] Xuất bán tại Việt Nam: ☐

[10] Ngày xuất hóa đơn đối với xuất bán tại Việt Nam:.../.../....

[11] Tên người nộp thuế:

[12] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[13] Địa chỉ: [14] Quận/huyện: [15] Tỉnh/Thành phố:

[16] Điện thoại: [17] Fax: [18] E-mail:

[19] Hợp đồng dầu khí lô:

[20] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:

[21] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[22] Địa chỉ: [23] Quận/huyện: [24] Tỉnh/Thành phố:

[25] Điện thoại: [26] Fax: [27] E-mail:

[28] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày.... tháng..... năm...

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	[29]	Thùng; m^3	
2	Giá bán	[30]	USD	
3	Doanh thu [31]=[29]x[30]	[31]	USD	
4	Tỷ lệ thuế TNDN tạm tính	[32]	%	
5	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp [33]=[31]x[32]	[33]	USD	
6	Số thuế TNDN được miễn hoặc giảm (nếu có)	[34]	USD	
7	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp sau khi miễn hoặc giảm (nếu có) [35]= [33]-[34]	[35]	USD	
8	Tỷ giá ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm xuất hoá đơn dầu khí xuất bán tại Việt Nam	[36]	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:
- Tờ khai này áp dụng đối với dầu thô, condensate, khai thuế theo lần xuất bán; khí thiên nhiên theo tháng.
- Chỉ tiêu [03]: Kỳ tính thuế là ngày, tháng, năm là ngày xuất bán hoặc ngày xuất hóa đơn tùy thời điểm nào đến trước (đối với dầu thô bán tại Việt Nam); hoặc ngày làm xong thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan (đối với dầu thô xuất khẩu).
- Trường hợp một NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.
- TNDN: thu nhập doanh nghiệp; USD: Đô la Mỹ; VND: Đồng Việt Nam

Mẫu số: 01B/TNDN-DK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TNDN) TẠM TÍNH ĐỐI VỚI KHÍ THIÊN NHIÊN

[01] Kỳ tính thuế: Quý..... năm.....

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

[06] Địa chỉ: [07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/Thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] E-mail:

[12] Hợp đồng dầu khí lô:

[13] Tên đơn vị được ủy quyền □ hoặc Đại lý thuế □:

[14] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[15] Địa chỉ: [16] Quận/huyện: [17] Tỉnh/Thành phố:

[18] Điện thoại: [19] Fax: [20] E-mail:

[21] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày.... tháng..... năm...

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	[22]	Thùng; m^3	
2	Giá bán	[23]	USD	
3	Doanh thu [24]=[22]x[23]	[24]	USD	
4	Chi phí được trừ	[25]	USD	
5	Thu nhập chịu thuế [26]=[24]-[25]	[26]	USD	
6	Thuế suất thuế TNDN	[27]	%	
7	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp [28]=[26]x[27]	[28]	USD	
8	Số thuế TNDN tạm tính được miễn hoặc giảm (nếu có)	[29]	USD	
9	Số thuế TNDN tạm tính phải nộp sau khi miễn hoặc giảm (nếu có) [30]=[28]-[29]	[30]	USD	
10	Tỷ giá ngoại tệ bình quân gia quyền liên ngân hàng các lần xuất bán trong quý *(Tổng doanh thu VND chia cho tổng doanh thu USD)*	[31]	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú: *TNDN: Thu nhập doanh nghiệp; USD: Đô la Mỹ; VND: Đồng Việt Nam*

Mẫu số: 01/PL-DK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
CHI TIẾT NGHĨA VỤ THUẾ CỦA CÁC NHÀ THẦU DẦU KHÍ

(Kèm theo các tờ khai thuế đối với dầu khí mẫu số 01/TAIN-DK, 02/TAIN-DK, 01A/TNDN-DK, 01B/TNDN-DK, 02/TNDN-DK)

[01] Dầu thô: ☐ [02] Condensate: ☐ [03] Khí thiên nhiên: ☐

[04] Kỳ tính thuế: Ngày.....tháng.... năm.... hoặc tháng..... năm.... hoặc quý... năm hoặc năm....
(Đối với dầu thô và condensate là ngày... tháng... năm hoặc năm; Khí thiên nhiên là tháng/quý/năm)

[05] Tên người nộp thuế:

[06] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

[07] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:

[08] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[09] Số thuế phải nộp: ..... USD

STT	Nhà thầu dầu khí		Tỷ lệ phân bổ	Số thuế phát sinh phải nộp (USD)	Ghi chú
	Mã số thuế	Tên nhà thầu			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = [09]*(4)	(6)
1					
2					
3					
4					
Tổng cộng			100%		

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú: *USD: Đô la Mỹ*

Mẫu số: 02/PL-DK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI DẦU KHÍ

[01] Dầu thô: ☐ [02] Condensate: ☐ [03] Khí thiên nhiên: ☐

[04] Kỳ tính thuế năm:.....

[05] Lần đầu ☐ [06] Bổ sung lần thứ: ☐

[07] Tên người nộp thuế:

[08] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

[09] Địa chỉ: [10] Quận/huyện: [11] Tỉnh/Thành phố:

[12] Điện thoại: [13] Fax: [14] E-mail:

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

[16] Tên đơn vị được ủy quyền ☐ hoặc Đại lý thuế ☐:

[17] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[18] Địa chỉ: [19] Quận/huyện: [20] Tỉnh/Thành phố:

[21] Điện thoại: [21] Fax: [23] E-mail:

[24] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày.... tháng..... năm...

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tổng doanh thu chịu thuế TNDN trong kỳ tính thuế	[25]	USD	
2	Tổng chi phí được phép thu hồi	[26]	USD	
3	Chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế:[27] = [27a]+[27b]	[27]	USD	
3.1	*+ Chi phí được phép thu hồi phát sinh trong năm quyết toán*	*[27a]*	*USD*	
3.2	*+ Chi phí được trừ khác*	*[27b]*	*USD*	
4	Tổng chi phí đã thu hồi lũy kế đến hết năm quyết toán	[28]	*USD*	
5	Tổng chi phí còn được phép thu hồi [29]=[26]-[28]	[29]	USD	
6	Thu nhập từ hoạt động dầu khí [30]=[25]-[27]	[30]	USD	
7	Thu nhập khác	[31]	USD	
8	Tổng thu nhập chịu thuế [32]=[30]+[31]	[32]	USD	
9	Thuế suất thuế TNDN	[33]	%	
10	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp [34]=[32]x[33]	[34]	USD	
11	Số thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn hoặc giảm	[35]	USD	
12	Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo quyết toán [36]=[34]-[35]	[36]	USD	
13	Số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm tính đã kê khai trong kỳ	[37]		
14	Chênh lệch giữa số thuế thu nhập doanh nghiệp nộp theo quyết toán đã kê khai [38]=[36]-[37]	[38]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:
- Trường hợp một NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.
- TNDN: Thu nhập doanh nghiệp

Mẫu số: 02-1/PL-DK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC
SẢN LƯỢNG VÀ DOANH THU XUẤT BÁN DẦU KHÍ
(Kèm theo Tờ khai quyết toán thuế tài nguyên đối với dầu khí)

[01] Dầu thô: ☐ [02] Condensate: ☐ [03] Khí thiên nhiên: ☐
[04] Kỳ tính thuế năm:.....

[05] Tên người nộp thuế:

[06] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[07] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:

[08] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

STT	Đơn vị tính sản lượng (thùng, m3)	Khai thác dầu khí		Xuất bán dầu khí				Ghi chú
		Ngày, tháng, năm	Sản lượng	Ngày, tháng, năm	Sản lượng	Giá tính thuế tài nguyên tạm tính (USD)	Doanh thu (USD)	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)=(6)x(7)	(9)
1								
2								
3								
4								
5								
6								
7								
Tổng cộng								

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú *: USD: Đô la Mỹ*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: 01/BCTL-DK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO DỰ KIẾN SẢN LƯỢNG DẦU KHÍ KHAI THÁC VÀ TỶ LỆ TẠM NỘP THUẾ

[01] Kỳ tính thuế năm:.....

[02] Lần đầu ☐ [03] Bổ sung lần thứ: ☐

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

[06] Địa chỉ: [07] Quận/huyện: [08] Tỉnh/Thành phố:

[09] Điện thoại: [10] Fax: [11] E-mail:

[12] Hợp đồng dầu khí lô:

[13] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:

[14] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[15] Địa chỉ: [16] Quận/huyện: [17] Tỉnh/Thành phố:

[18] Điện thoại: [19] Fax: [20] E-mail:

[21] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày.... tháng..... năm...

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Sản phẩm			
			Dầu thô	Condensate	Khí thiên nhiên	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Sản lượng dầu khí dự kiến khai thác trong năm					
	- Tính theo thùng	thùng				
	- Tính theo m3	m3				
2	Tổng số ngày khai thác dầu khí trong năm	ngày				
3	Sản lượng khai thác bình quân ngày					
	- Tính theo thùng/ngày	thùng/ngày				
	- Tính theo m3/ngày	m3/ngày				
4	Tỷ lệ thuế tài nguyên tạm nộp	%				
5	Tỷ lệ thuế xuất khẩu tạm nộp	%				
6	Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp đối với trường hợp bán trong nước	%				
7	Tỷ lệ thuế thu nhập doanh nghiệp tạm nộp đối với trường hợp xuất khẩu	%				

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Mẫu số: 01/TAIN-DK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ TÀI NGUYÊN TẠM TÍNH ĐỐI VỚI DẦU KHÍ

[01] Dầu thô: ☐ [02] Condensate: ☐ [03] Khí thiên nhiên: ☐

[04] Kỳ tính thuế: Ngày.....tháng.....năm.... hoặc tháng.....năm....

(Đối với dầu thô và condensate là ngày,tháng, năm; Khí thiên nhiên là tháng, năm)

[05] Lần xuất bán thứ: ...

[06] Lần đầu ☐ [07] Bổ sung lần thứ: ☐

[08] Xuất khẩu: ☐ [09] Xuất bán tại Việt Nam: ☐

[10] Ngày xuất hóa đơn đối với xuất bán tại Việt Nam:.../.../....

[11] Tên người nộp thuế:

[12] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[13] Địa chỉ: [14] Quận/huyện: [15] Tỉnh/Thành phố:

[16] Điện thoại: [17] Fax: [18] E-mail:

[19] Hợp đồng dầu khí lô:

[20] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:

[21] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[22] Địa chỉ: [23] Quận/huyện: [24] Tỉnh/Thành phố:

[25] Điện thoại: [25] Fax: [26] E-mail:

[27] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: [28] ngày.... tháng..... năm...

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Sản lượng dầu khí xuất bán	[29]	Thùng; m3	
	Sản lượng dầu thô, condensate xuất bán quy đổi theo tấn	*[29a]*	*Tấn*	
2	Giá tính thuế tài nguyên tạm tính	[30]	USD/thùng; USD/m3	
3	Doanh thu [31]=[29]x[30]	[31]	USD	
4	Tỷ lệ thuế tài nguyên tạm tính	[32]	%	
5	Số tiền thuế tài nguyên tạm tính phải nộp [33]=[31]x[32]	[33]	USD	
6	Tỷ giá ngoại tệ liên ngân hàng tại thời điểm xuất hóa đơn dầu khí xuất bán tại Việt Nam	[34]	VND/USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:

- Chỉ tiêu [04]:

+ Kỳ tính thuế là ngày, tháng, năm là ngày xuất bán hoặc ngày xuất hóa đơn tùy thời điểm nào đến trước (đối với dầu thô bán tại Việt Nam); hoặc ngày làm xong thủ tục hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan (đối với dầu thô xuất khẩu).

+ Kỳ tính thuế là tháng, năm áp dụng đối với khí thiên nhiên khai thuế theo tháng. Tháng, năm là tháng, năm thực tế xuất bán.

+ Trường hợp một NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.

- USD: Đô la Mỹ; VND: đồng Việt Nam

Mẫu số: 02/TAIN-DK
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ TÀI NGUYÊN ĐỐI VỚI DẦU KHÍ

[01] Dầu thô: ☐ [02] Condensate: ☐ [03] Khí thiên nhiên: ☐

[04] Kỳ tính thuế năm:.....

[05] Lần đầu ☐ [06] Bổ sung lần thứ: ☐

[07] Tên người nộp thuế:

[08] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐

[09] Địa chỉ: [10] Quận/huyện: [11] Tỉnh/Thành phố:

[12] Điện thoại: [13] Fax: [14] E-mail:

[15] Hợp đồng dầu khí lô:

[16] Tên đơn vị được ủy quyền [ ] hoặc Đại lý thuế [ ]:

[17] Mã số thuế: ☐☐☐☐☐☐☐☐☐☐ ☐☐☐

[18] Địa chỉ: [19] Quận/huyện: [20] Tỉnh/Thành phố:

[21] Điện thoại: [22] Fax: [23] E-mail:

[24] Hợp đồng ủy quyền hoặc Hợp đồng đại lý thuế, số: ngày.... tháng..... năm...

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
I	**Số ngày khai thác dầu khí trong kỳ tính thuế**	[25]	Ngày	
II	**Sản lượng:**			
1	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên kỳ tính thuế trước chuyển sang	[26]	Thùng; m3	
2	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế	[27]	Thùng; m3	
3	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên thực tế bán trong kỳ tính thuế [28]=[28a]+[28b]	[28]	Thùng; m3	
3.1	- Xuất khẩu	[28a]	Thùng; m3	
3.2	- Tiêu thụ nội địa	[28b]	Thùng; m3	
4	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên chuyển sang kỳ tính thuế sau [29]=[26]+[27]-[28]	[29]	Thùng; m3	
5	Sản lượng dầu khí chịu thuế tài nguyên bình quân/ngày trong kỳ tính thuế [30]=[27]/[25]	[30]	Thùng; m3	
III	**Tổng doanh thu xuất bán trong kỳ tính thuế**	[31]	USD	
IV	**Tỷ lệ thuế tài nguyên bằng dầu khí trong kỳ tính thuế**	[32]	%	
V	**Thuế tài nguyên tính bằng dầu khí**			

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Thuế tài nguyên bằng dầu khí chưa bán kỳ tính thuế trước chuyển sang	[33]	Thùng; m3	
2	Thuế tài nguyên bằng dầu khí phải nộp trong kỳ tính thuế [34]=[27]x[32]	[34]	Thùng; m3	
3	Thuế tài nguyên bằng dầu khí bán trong kỳ tính thuế [35]=[28]x[32]	[35]	Thùng; m3	
4	Thuế tài nguyên bằng dầu khí chưa bán chuyển kỳ tính thuế sau [36]=[33]+[34]-[35]	[36]	Thùng; m3	
VI	**Giá tính thuế tài nguyên trong kỳ tính thuế [37]=[31]/[28]**	[37]	USD/thùng; USD/m3	
VII	**Số tiền thuế tài nguyên phải nộp trong kỳ tính thuế [38]=[39]+[40]**	[38]	USD	
1	Số tiền thuế tài nguyên kỳ trước chuyển sang [39]=[33]x[37]	[39]	USD	
2	Số tiền thuế tài nguyên phát sinh trong kỳ tính thuế [40]=([28]-[26])x[32]x[37]	[40]	USD	
VIII	**Số tiền thuế tài nguyên tạm tính đã kê khai trong kỳ tính thuế**	[41]	USD	
IX	**Chênh lệch giữa số tiền phải nộp theo quyết toán với số đã kê khai trong kỳ tính thuế [42]=[38]-[41]**	[42]	USD	

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ
Họ và tên:.....
Chứng chỉ hành nghề số:.....

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP
Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Ghi chú:
- *Trường hợp một NNT khai thác đồng thời dầu thô, condensate và khí thiên nhiên thì kê khai thành từng tờ khai riêng biệt.*
- *USD: Đô la Mỹ*

Mẫu số: **01/AĐTH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-..... *....., ngày..... tháng..... năm.....*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ấn định số thuế phải nộp

CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục thuế/Chi cục thuế;

Căn cứ Quyết định số..... ngày..... của..... về việc kiểm tra (thanh tra)..... tại.....

Căn cứ Biên bản kiểm tra (Kết luận thanh tra).....

Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ấn định số thuế phải nộp đối với:

Ông/bà/tổ chức:..... - Mã số thuế:.....

Giấy CMND/Hộ chiếu/Chứng nhận đăng ký kinh doanh/Chứng nhận đăng ký hoạt động số:..... do..... cấp ngày.....

Địa chỉ:.....

Lý do ấn định:.....

Số thuế ấn định:.....

Số thuế chênh lệch giữa số thuế cơ quan thuế ấn định và số thuế người nộp thuế tự kê khai:.....

Điều 2. Ông/bà/tổ chức có nghĩa vụ nộp đầy đủ số thuế bị ấn định trong thời hạn..... kể từ ngày.....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Ông/Bà/Tổ chức có quyền khiếu nại trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 1;
- Bộ phận KK,...;
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA QUYẾT ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: **01/NOPT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ BAN HÀNH THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc hạch toán lại các khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt nộp NSNN

Kính gửi:.....
Mã số thuế:.....
Địa chỉ nhận thông báo:.....

Theo quy định tại Điều 45 Luật Quản lý thuế hợp nhất và hướng dẫn tại Điều 29 Chương III Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ:

Trường hợp người nộp thuế vừa có số tiền thuế nợ, tiền thuế truy thu, tiền chậm nộp, tiền thuế phát sinh, tiền phạt nhưng trên chứng từ nộp tiền thuế, tiền phạt không ghi hoặc ghi không đúng trình tự: (1) Tiền thuế nợ; (2) Tiền thuế truy thu; (3) Tiền chậm nộp; (4) Tiền thuế phát sinh; (5) Tiền phạt thì cơ quan thuế hạch toán số tiền thuế đã thu theo đúng trình tự thanh toán, đồng thời thông báo cho người nộp thuế biết số thuế đã ghi thu ngân sách nhà nước cho từng loại tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt.

Căn cứ quy định trên;

Trên cơ sở xét chứng từ nộp tiền của.....;

Cơ quan thuế..... thông báo về việc hạch toán lại các khoản tiền thuế, tiền chậm nộp, tiền phạt của người nộp thuế tháng.... năm.... như sau:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

Số TT	**Chứng từ nộp tiền**		**Tên loại thuế**	**Tiểu mục**	**Số tiền thuế nợ**	**Số tiền thuế truy thu**	**Số tiền chậm nộp**	**Số tiền thuế phát sinh**	**Số tiền phạt vi phạm HC**	**Tổng cộng**
	Số	**Ngày**								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(6)	(7)	(8)	(9)
1										
2										
....										
Tổng cộng										

Yêu cầu..... hạch toán các khoản nộp ngân sách nhà nước theo đúng số liệu nêu tại Thông báo này.

Nếu có vướng mắc, đề nghị người nộp thuế liên hệ với cơ quan thuế..... theo số điện thoại:..... địa chỉ:.....

Cơ quan thuế..... thông báo để người nộp thuế được biết./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT;....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ BAN HÀNH THÔNG BÁO
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: **01/GHAN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

Số:.....
V/v đề nghị gia hạn nộp thuế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:.... (*Tên cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế)*

Tên người nộp thuế:.....
Mã số thuế:.....
Địa chỉ nhận thông báo:.....
Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....
Ngành nghề kinh doanh chính là:.....
.....

Đề nghị gia hạn nộp tiền thuế theo hướng dẫn tại điểm... khoản... Điều 31 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ, cụ thể như sau:

1. Số thuế và thời gian đề nghị gia hạn: *Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam*

STT	Loại thuế đề nghị gia hạn	Tiểu mục	Số tiền	Thời hạn nộp thuế theo quy định	Thời hạn được gia hạn
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Thuế...				
2	Tiền phạt chậm nộp...				
3	Tiền chậm nộp tiền thuế..				
4	Tiền phạt...				
5	Tiền chậm nộp tiền phạt..				
	Tổng cộng				

2. Cam kết:

... (*Tên người nộp thuế*) cam kết nộp đầy đủ số tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt được gia hạn sau khi hết thời hạn gia hạn nộp thuế.

3. Tài liệu gửi kèm: *(ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao)*

(1).....

(2).....

....

***Nơi nhận*:**
- Như trên;
- ....
- Lưu:VT,...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **02/GHAN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Số:..../QĐ-CT(CCT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc gia hạn nộp tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ
hoặc CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ Điều 31 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Căn cứ đề nghị của..... *(tên người nộp thuế, mã số thuế*) tại công văn số.... ngày.../.../.... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng.../Đội trưởng...;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.... *(Tên người nộp thuế, mã số thuế, địa chỉ)*.... được gia hạn nộp tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt (dưới đây gọi tắt là tiền thuế), cụ thể như sau:

Đơn vị tiền: đồng Việt Nam

STT	Loại thuế được gia hạn	Tiểu mục	Số tiền	Thời hạn nộp thuế theo quy định	Thời hạn được gia hạn nộp thuế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Thuế				
2	Tiền phạt chậm nộp...				
3	Tiền chậm nộp tiền thuế...				
4	Tiền phạt...				
5	Tiền chậm nộp tiền phạt				
	Tổng cộng*				

Điều 2. Trong thời gian được gia hạn nộp tiền thuế không tính tiền chậm nộp tiền thuế đối với số thuế được gia hạn. Khi hết thời gian gia hạn nộp thuế,..... *(tên người nộp thuế)* phải nộp đầy đủ số tiền thuế vào ngân sách nhà nước. Trường hợp..... *(tên người nộp thuế)* không nộp đầy đủ tiền thuế sau khi hết thời gian gia hạn sẽ bị tính tiền chậm nộp và bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký..... *(Tên người nộp thuế)*; Trưởng phòng...../Đội trưởng..... *(các phòng/đội có liên quan)* chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Kho bạc Nhà nước...**
- Trang thông tin điện tử của Cục Thuế;
- .....
- Lưu VT:....

CỤC TRƯỞNG hoặc
CHI CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

***Ghi chú*:**

** Trường hợp có nhiều loại thuế được gia hạn, có thể lập phụ lục đính kèm Quyết định.*

*** Gia hạn theo điểm c khoản 1 Điều 31 Thông tư số 156/2013/TT-BTC gửi thêm Kho bạc Nhà nước nơi chủ đầu tư mở tài khoản để phối hợp thu nợ thuế.*

Mẫu số: **03/GHAN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc bổ sung giải trình hồ sơ gia hạn nộp tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ Điều 31 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Sau khi xem xét văn bản số..... ngày.../.../.... kèm theo hồ sơ nghị gia hạn nộp thuế của..... *(tên người nộp thuế),* MST.... , địa chỉ nhận thông báo:.....

.... *(Tên cơ quan thuế)*..... thông báo:

Hồ sơ đề nghị gia hạn nộp thuế của..... *(tên người nộp thuế)* còn thiếu/chưa rõ ràng đối với những tài liệu/nội dung sau đây:

1.....

2.....

.....

Đề nghị... *(tên người nộp thuế)* giải trình hoặc bổ sung hồ sơ. Trường hợp người nộp thuế không bổ sung hồ sơ thì cơ quan thuế sẽ không giải quyết đề nghị gia hạn nộp thuế.

Cơ quan thuế thông báo để... *(tên người nộp thuế)* được biết và thực hiện./.

***Nơi nhận*:**
- *... (tên người nộp thuế...);*
- .....
- Lưu: VT....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: **04/GHAN**
(Ban hành kèm theo Thông số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-..... *....., ngày..... tháng..... năm.....*

THÔNG BÁO
Về việc không chấp nhận hồ sơ gia hạn nộp tiền thuế,
tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ Điều 31 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Sau khi xem xét văn bản số..... ngày.../.../... kèm theo hồ sơ nghị gia hạn nộp thuế của..... *(tên người nộp thuế),* MST...., địa chỉ nhận thông báo:.....

.... *(Tên cơ quan thuế)*..... thông báo:

Trường hợp của..... *(tên người nộp thuế)* không thuộc đối tượng được gia hạn nộp thuế. Lý do:

-.....

-.....

.....

... *(Tên người nộp thuế)* có nghĩa vụ nộp ngay số tiền thuế, tiền phạt chậm nộp, tiền chậm nộp tiền thuế, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền phạt còn nợ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Cơ quan thuế thông báo để..... *(tên người nộp thuế)* được biết và thực hiện./.

***Nơi nhận*:**
- *... (tên người nộp thuế)...*
- .....;
- Lưu: VT....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: **01/NDAN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN NGƯỜI NỘP THUẾ

Số:.....
V/v đề nghị nộp dần tiền thuế nợ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:..... *(tên cơ quan thuế quản lý trực tiếp)*.....

Tên người nộp thuế:.....
Mã số thuế:.....
Địa chỉ:.....
Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế số.... ngày.../.../... của... (*tên cơ quan thuế ban hành quyết định*)....;

Căn cứ thư bảo lãnh số.... ngày.../.../.... của... (*tên tổ chức bảo lãnh*);

Căn cứ quy định tại..... Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

.... (*Tên người nộp thuế*) đề nghị nộp dần tiền thuế nợ, cụ thể như sau:

1.Số thuế đề nghị nộp dần:

STT	Loại thuế đề nghị nộp dần	Tiểu mục	Số tiền	Thời hạn nộp thuế
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Thuế...			
2	Tiền chậm nộp tiền thuế..			
	Cộng			

2. Thời gian đề nghị nộp dần tiền thuế nợ: từ.... đến.....

3. Cam kết:

... (*Tên người nộp thuế*) cam kết sẽ nộp đủ số tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước theo từng tháng, chậm nhất vào ngày cuối tháng trong thời hạn nộp dần đề nghị tại điểm 2 nêu trên.

4. Tài liệu gửi kèm: (*ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao*)

(1) Quyết định cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

(2) Thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng;

.....

Nơi nhận:
- Như trên;
- ....
- Lưu:VT,...

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

Mẫu số: **02/NDAN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Số:..../QĐ-CT *(hoặc CCT)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc nộp dần tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ
hoặc CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ Điều 32 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Căn cứ đề nghị của.... *(tên người nộp thuế)* tại văn bản số.... ngày.../.../... và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng.../ Đội trưởng...;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1..... *(Tên người nộp thuế, mã số thuế, địa chỉ)* được nộp dần tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế theo từng tháng, chậm nhất vào ngày cuối tháng, kể từ tháng... năm... đến tháng... năm..., cụ thể như sau:

STT	Loại thuế được nộp dần	Tiểu mục	Số tiền	Thời hạn nộp thuế theo quy định	Thời hạn nộp dần
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Thuế...				
2	Tiền chậm nộp tiền thuế				
	Tổng cộng				

Điều 2. Tạm dừng áp dụng các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế đối với số thuế được nộp dần trong thời gian nộp dần tiền thuế nợ. Người nộp thuế được tính tiền chậm nộp theo mức 0,05% mỗi ngày tính trên số tiền thuế được nộp dần. Trường hợp..... *(tên người nộp thuế)* không nộp thì tổ chức bảo lãnh có trách nhiệm nộp thay

bao gồm: toàn bộ số tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế được chấp thuận nộp dần; tiền chậm nộp tính trên số tiền thuế được nộp dần theo mức 0,05% mỗi ngày được nộp dần và 0,07% mỗi ngày kể từ ngày hết thời hạn nộp dần theo cam kết.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký..... *(tên người nộp thuế);.... (tên tổ chức bảo lãnh)*; Trưởng phòng...../Đội trưởng..... *(các phòng/đội có liên quan)*, chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như Điều 3;
- Ngân hàng...;*
- Kho bạc Nhà nước....;
- .....
- Lưu: VT,....

CỤC TRƯỞNG
hoặc CHI CỤC TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú:

** Quyết định nộp dần được gửi cho các đơn vị liên quan tùy theo biện pháp cưỡng chế nợ thuế đã ban hành, chẳng hạn ngân hàng nơi người nộp thuế mở tài khoản tiền gửi đối với biện pháp cưỡng chế trích tiền gửi tại ngân hàng.*

Mẫu số: **03/NDAN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../TB-.....

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc bổ sung, giải trình hồ sơ nộp dần
tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ Điều 32 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Sau khi xem xét văn bản số... ngày..../.../... kèm theo hồ sơ đề nghị nộp dần tiền thuế nợ của... *(tên người nộp thuế),* MST, địa chỉ nhận thông báo:...

... *(Tên cơ quan thuế)*..... thông báo:

Hồ sơ đề nghị nộp dần tiền thuế nợ của... *(tên người nộp thuế)* còn thiếu/chưa rõ ràng đối với những nội dung và tài liệu sau đây:

1.....

2.....

.....

Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo này, đề nghị... *(tên người nộp thuế)* bổ sung, giải trình các tài liệu nêu trên. Trường hợp... *(tên người nộp thuế)* không bổ sung hồ sơ thì cơ quan thuế sẽ không giải quyết đề nghị nộp dần tiền thuế nợ và thực hiện các biện pháp cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định.

Cơ quan thuế thông báo để... *(tên người nộp thuế)* được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:
- *...(tên người nộp thuế)...;*
- .....
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: **04/NDAN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH THÔNG BÁO

Số:...../TB-.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

THÔNG BÁO
Về việc không chấp nhận hồ sơ nộp dần tiền thuế,
tiền chậm nộp tiền thuế

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ Điều 32 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Sau khi xem xét văn bản số... ngày..../.../... kèm theo hồ sơ đề nghị nộp dần tiền thuế nợ..... của.... *(tên người nộp thuế*), MST, địa chỉ nhận thông báo:...

... *(Tên cơ quan thuế)*..... thông báo:

..... *(Tên người nộp thuế)* không thuộc trường hợp được nộp dần tiền thuế nợ. Lý do:

- .....

- .....

.....

... *(Tên người nộp thuế)* có nghĩa vụ nộp ngay số tiền thuế còn nợ vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

Cơ quan thuế thông báo để..... *(tên người nộp thuế)* được biết và thực hiện./.

***Nơi nhận*:**
- *... (tên người nộp thuế)..;*
- *... (tên tổ chức bảo lãnh)...;*
- .....
- Lưu: VT,....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: **05/NDAN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... V/v xác minh thông tin	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi: - ... *(Tên tổ chức bảo lãnh)...;*
- ... *(Tên người nộp thuế được bảo lãnh).*

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13;

Căn cứ Điều 32 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

..... *(Tên cơ quan thuế ban hành văn bản)* đề nghị.... *(tên tổ chức bảo lãnh)*.... xác nhận về một số nội dung tại thư bảo lãnh số.... ngày.../.../... do.... *(tên tổ chức bảo lãnh)*... phát hành như sau:

1.....

2.....

.....

Đề nghị quý cơ quan phúc đáp cho... *(tên cơ quan thuế)*... trong thời hạn.... ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản này.

Trân trọng cảm ơn sự phối hợp của quý cơ quan./.

***Nơi nhận*:** - Như trên; - ..... - Lưu: VT,....	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số: **06/NDAN**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN CẤP TRÊN **TÊN CƠ QUAN THUẾ....**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:..... V/v: yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh	*....., ngày..... tháng..... năm.....*

Kính gửi: -... *(Tên tổ chức bảo lãnh)*...;
-... *(Tên người nộp thuế được bảo lãnh)*...

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH10 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13;

Căn cứ Điều 32 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Căn cứ thư bảo lãnh..... phát hành ngày..../.../... của... *(tên tổ chức bảo lãnh, mã số thuế)*... cho..... *(tên người nộp thuế, mã số thuế)...;*

Căn cứ Quyết định số.... ngày.../.../.... của...*(tên cơ quan thuế)*..... về việc nộp dần tiền thuế nợ đối với..... *(tên người nộp thuế)....;*

.... *(Tên cơ quan thuế)*..... thông báo đến... *(tên Tổ chức bảo lãnh, mã số thuế*)... về việc bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế của.... *(tên người nộp thuế)....:*

Ngày.... tháng.... năm.... là ngày cuối cùng của thời hạn nộp dần tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế... theo Quyết định số.... ngày.../.../.... nêu trên nhưng bên được bảo lãnh là... *(tên người nộp thuế được bảo lãnh, mã số thuế)*.... chưa nộp *(hoặc chưa nộp đủ)* vào Ngân sách Nhà nước.... *(Tên cơ quan thuế)* yêu cầu... *(tên tổ chức bảo lãnh)*... thực hiện nộp số tiền thuế, tiền chậm nộp tiền thuế thay cho bên được bảo lãnh vào tài khoản thu ngân sách nhà nước số..... tại Kho bạc Nhà nước..... với số tiền là.....,

Nếu..... *(tên tổ chức bảo lãnh)*... không thực hiện thì sẽ bị tính tiền chậm nộp tiền thuế và bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định của pháp luật.

.... *(Tên cơ quan thuế)*.... thông báo để.... *(tên tổ chức bảo lãnh)*...., ... *(tên người nộp thuế được bảo lãnh)*... được biết và thực hiện./.

***Nơi nhận*:** - Như trên; - ..... - Lưu: VT,....	**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ** *(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

Mẫu số 01/MTCN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ
BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Số: /QĐ-CT (hoặc CCT)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc miễn tiền chậm nộp tiền thuế đối với.... *(tên người nộp thuế).....*

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ/CHI CỤC TRƯỞNG CHI CỤC THUẾ

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

Căn cứ các Luật thuế, Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Điều 35 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng/Đội Trưởng.... (*tên phòng/đội có liên quan*)....;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Miễn tiền chậm nộp tiền thuế đối với.... (*tên người nộp thuế*).....; Mã số thuế:....; với tổng số tiền là.... đồng (viết bằng chữ:....) do.... (*nguyên nhân được miễn tiền chậm nộp*)....

Điều 2. Căn cứ vào số tiền chậm nộp tiền thuế được miễn nêu tại Điều 1, Phòng/Đội..... (*tên Phòng/Đội có liên quan*)..... điều chỉnh lại số tiền chậm nộp tiền thuế của..... (*tên người nộp thuế*).....

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký..... (*tên người nộp thuế*)...., Trưởng Phòng/Đội Trưởng.... (*tên phòng/đội có liên quan*).... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Cơ quan thuế cấp trên (để báo cáo);
- .....;
- Lưu: VT,.....

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số: **01/UNTH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

HỢP ĐỒNG ỦY NHIỆM THU THUẾ

- Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012;

- Căn cứ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế;

- Căn cứ Thông tư số...../2013/TT-BTC ngày..../...../2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

- Căn cứ các Luật thuế; Pháp lệnh phí, lệ phí và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ vào khả năng và nhu cầu của hai bên;

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm.....

Tại:.....

Chúng tôi gồm:

I. BÊN ỦY NHIỆM THU THUẾ:

Cơ quan thuế: .....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Số Tài khoản:.....

Đại diện là: Ông (Bà)..... Chức vụ:.....

II. BÊN ĐƯỢC ỦY NHIỆM THU THUẾ:

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Số Tài khoản:.....

Đại diện là: Ông (Bà)..... Chức vụ:.....

Hai bên thống nhất ký kết Hợp đồng ủy nhiệm thu một số khoản thuế và thu khác (sau đây gọi chung là thuế) với những điều khoản như sau:

Điều 1. Phạm vi ủy nhiệm thu

1. ... *(Tên của bên ủy nhiệm thu)*..... ủy nhiệm cho...*(Tên của bên được ủy nhiệm thu thuế)*..... thực hiện thu một số khoản thuế thuộc phạm vi quản lý của cơ quan thuế trên địa bàn... *(ghi rõ tên địa bàn thực hiện ủy nhiệm thu)*.....

2. Các khoản thuế được ủy nhiệm thu bao gồm:

- Thuế... *(ghi rõ tên của loại thuế thực hiện ủy nhiệm thu)*.....

- Thuế... *(ghi rõ tên của loại thuế thực hiện ủy nhiệm thu)*.....

- V.v.....

3. ... (*Tên của bên được ủy nhiệm thu)*..... trong phạm vi được ủy nhiệm thực hiện các công việc sau đây: (*Tuỳ thuộc vào nội dung hợp đồng ký kết, ghi cụ thể các công việc bên được ủy nhiệm thu phải thực hiện như: Phát tờ khai thuế, đôn đốc người nộp thuế nộp tờ khai thuế; thu tờ khai thuế từ người nộp thuế và nộp cho cơ quan thuế; phát thông báo thuế cho người nộp thuế; thu tiền thuế và nộp tiền thuế đã thu được vào ngân sách nhà nước; cung cấp thông tin về tình hình người nộp thuế phát sinh mới hoặc người nộp thuế có thay đổi quy mô, ngành nghề kinh doanh trên địa bàn được ủy nhiệm thu).*

Điều 2. Trách nhiệm và quyền hạn của bên ủy nhiệm thu trong việc thực hiện hợp đồng

1. Trách nhiệm của bên ủy nhiệm thu:

- Phát hành thông báo nộp thuế giao cho bên được ủy nhiệm thu thuế cùng với sổ bộ thuế đã duyệt. Thời gian giao thông báo nộp thuế cho bên được ủy nhiệm thu thuế trước khi hết thời hạn gửi thông báo nộp thuế theo quy định tối thiểu là mười ngày.

- Cấp phát đầy đủ, kịp thời tờ khai và biên lai thu thuế cho bên được ủy nhiệm thu thuế và hướng dẫn bên được ủy nhiệm thu thuế cấp phát, quản lý, sử dụng tờ khai và biên lai đúng quy định.

- Chi trả kinh phí ủy nhiệm thu theo hợp đồng ủy nhiệm thu đã ký.

- Kịp thời xử lý những khó khăn, vướng mắc phát sinh khi thực hiện hợp đồng và thực hiện chức trách ủy nhiệm thu thuế của bên được ủy nhiệm thu.

- ... *(Các nội dung khác theo thoả thuận)*.....

2. Quyền của bên ủy nhiệm thu:

- Kiểm tra tình hình thu nộp tiền thuế của bên được ủy nhiệm thu thuế.

- Chấm dứt hợp đồng ủy nhiệm thu khi bên được ủy nhiệm thu không đủ năng lực và điều kiện thực hiện hợp đồng hoặc có các hành vi vi phạm trong quá trình thực hiện hợp đồng.

- ... *(Các nội dung khác theo thỏa thuận)*.....

Điều 3. Trách nhiệm và quyền hạn của bên được ủy nhiệm thu trong việc thực hiện hợp đồng

1. Trách nhiệm của bên được ủy nhiệm thu:

- Bố trí nhân viên đủ tiêu chuẩn theo quy định của cơ quan thuế để thực hiện hợp đồng ủy nhiệm thu đã ký. Không được ủy nhiệm lại cho bất cứ bên thứ ba nào việc thực hiện hợp đồng ủy nhiệm thu đã ký với cơ quan thuế.

- Thực hiện đúng trách nhiệm của bên được ủy nhiệm thu đã được quy định tại Điều ..... - Thông tư số...../2013/TT-BTC ngày..../...../2013 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế, hướng dẫn thi hành Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ.

- Thông báo kịp thời cho bên ủy nhiệm thu khi không còn đủ năng lực và điều kiện thực hiện theo hợp đồng đã ký.

- Thông báo kịp thời cho bên ủy nhiệm thu những khó khăn, vướng mắc và các nội dung phát sinh làm ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng và thực hiện chức trách ủy nhiệm thu thuế.

- ... *(Các nội dung khác theo thỏa thuận)*.....

2. Quyền của bên được ủy nhiệm thu:

- Yêu cầu bên ủy nhiệm thu thanh toán tiền thù lao đúng theo hợp đồng đã ký.

- Chấm dứt hợp đồng ủy nhiệm thu khi bên ủy nhiệm thu không thực hiện đúng những nội dung đã ký kết.

- ... *(Các nội dung khác theo thỏa thuận)*.....

Điều 4. Kinh phí ủy nhiệm thu

1. Tỷ lệ trích kinh phí ủy nhiệm thu: Bên được ủy nhiệm thu được hưởng thù lao ủy nhiệm thu trích từ kinh phí hoạt động của cơ quan thuế theo mức:

- Bằng.... % tổng số thuế thu được đối với thuế.....;

- Bằng.... % tổng số thuế thu được đối với thuế.....;

- Bằng.... % tổng số thuế thu được đối với thuế.....;

2. Thời gian chi trả kinh phí ủy nhiệm thu: *(Quy định cụ thể về thời gian chi trả như: trả định kỳ theo tháng, quý,....)*

3. Hình thức chi trả kinh phí ủy nhiệm thu: Kinh phí ủy nhiệm thu được thanh toán bằng chuyển khoản thông qua tài khoản của bên được ủy nhiệm thu mở tại.....
.....

Điều 5. Thời hạn ủy nhiệm thu

Thời hạn ủy nhiệm thu theo hợp đồng này là..... năm, kể từ ngày...../...../..... đến hết ngày...../...../.....

Điều 6. Bổ sung, gia hạn và thanh lý hợp đồng

1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu phát hiện thấy còn những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung đều phải được lập thành văn bản có sự nhất trí của hai bên.

2. Trong quá trình thực hiện hợp đồng đến trước thời điểm kết thúc thời hạn ủy nhiệm thu, hai bên có thể thỏa thuận gia hạn hợp đồng bằng văn bản.

3. Thanh lý hợp đồng:

- Trường hợp không có thỏa thuận gia hạn hợp đồng thì hợp đồng đương nhiên hết hiệu lực khi kết thúc thời hạn nêu tại Điều 5 - Hợp đồng này. Hai bên thực hiện thanh lý hợp đồng ủy nhiệm thu theo đúng quy định.

- Trường hợp Hợp đồng được gia hạn thêm cho các kỳ tiếp theo thì hai bên tiếp tục thực hiện hợp đồng theo thời gian đã gia hạn và tiến hành thanh lý Hợp đồng khi kết thúc thời gian đã gia hạn.

Điều 7. Xử lý tranh chấp

1. Hai bên cùng cam kết thực hiện đúng các nội dung đã ký. Trường hợp có tranh chấp, hoặc một bên vi phạm hợp đồng thì cả hai bên cùng tự thương lượng, thỏa thuận để có hướng xử lý và đạt được kết quả chung trước khi chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Điều 2 và Điều 3 của Hợp đồng này.

2. Trường hợp việc tự thương lượng và thỏa thuận không đạt được kết quả thì vụ việc được đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Hai bên cam kết thực hiện mọi điều khoản đã cam kết trong hợp đồng với tinh thần hợp tác, hỗ trợ. Trường hợp phát sinh hoàn cảnh ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng hai bên sẽ thảo luận để thống nhất giải quyết.

2. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

3. Hợp đồng này gồm có..... trang, được lập thành.... bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ .... bản và có hiệu lực kể từ ngày...../.

BÊN ỦY NHIỆM THU	**BÊN ĐƯỢC ỦY NHIỆM THU**
(Chức danh người đại diện)	*(Chức danh người đại diện - nếu có)*
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có)*

Mẫu số: **02/UNTH**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

BIÊN BẢN THANH LÝ
HỢP ĐỒNG ỦY NHIỆM THU THUẾ

Căn cứ Hợp đồng ủy nhiệm thu số..... ngày...../...../..... giữa.... *(tên cơ quan thuế)*..... và..... *(tên của bên được ủy nhiệm thu thuế)*.....

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm.....,

Tại:.....

Chúng tôi gồm:

I. BÊN ỦY NHIỆM THU THUẾ:

Cơ quan thuế:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Số Tài khoản:.....

Đại diện là: Ông (Bà)..... Chức vụ:.....

II. BÊN ĐƯỢC ỦY NHIỆM THU THUẾ:

Tên tổ chức, cá nhân:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại:.....

Số Tài khoản:.....

Đại diện là: Ông (Bà)..... Chức vụ:.....

Hai bên tiến hành thanh lý hợp Hợp đồng ủy nhiệm thu số..... ngày ...../...../..... giữa.... *(tên của bên ủy nhiệm thu)*..... và.... *(tên của bên được ủy nhiệm thu thuế)*..... như sau:

1. Về thu nộp thuế

a) ... *(Tên của bên được ủy nhiệm thu thuế)*..... đã tiến hành thu các khoản thuế *(ghi rõ tên tất cả các loại thuế ủy nhiệm thu)*..... cho *(tên của bên ủy nhiệm thu)*..... trong thời gian từ ngày...../...../..... đến hết ngày...../...../..... như sau:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Loại thuế được ủy nhiệm thu	Số tiền thuế phải thu	Số tiền thuế đã thu	Số tiền thuế còn phải thu	Số tiền thuế đã thu được nộp vào Ngân sách Nhà nước	Số tiền thuế đã thu chưa nộp vào Ngân sách Nhà nước
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) - (4)	(6)	(7) = (4) - (6)
1	Thuế...					
2	Thuế...					
3	Thuế...					
...	....					
	Cộng					

b) Về nguyên nhân, biện pháp xử lý số tiền thuế còn nợ đọng, số tiền thuế đã thu nhưng chưa nộp Ngân sách Nhà nước:

.....

.....

Danh sách người nộp thuế còn nợ tiền thuế kèm theo (nếu có).

2. Về tình hình sử dụng biên lai thuế

a) Tình hình sử dụng biên lai thuế:

STT	Nội dung	Số lượng biên lai
1	Số biên lai thuế bên ủy nhiệm thu cấp phát cho bên được ủy nhiệm thu	
	- Loại biên lai *- Loại biên lai*	
2	Số biên lai thuế bên được ủy nhiệm thu đã sử dụng để thu thuế	
	- Loại biên lai *- Loại biên lai*	
3	Số biên lai bị mất	
	- Loại biên lai *- Loại biên lai*	
4	Số biên lai hủy, ghi hỏng...	
	- Loại biên lai *- Loại biên lai*	
5	Số biên lai thuế bên được ủy nhiệm thu chưa sử dụng ([5] = [1] - [2] - [3] - [4])	
	- Loại biên lai *- Loại biên lai*	
6	Số biên lai thuế bên được ủy nhiệm đã trả lại cho bên ủy nhiệm thu	
	- Loại biên lai *- Loại biên lai*	
	Trong đó: Số biên lai huỷ, ghi hỏng... *- Loại biên lai* *- Loại biên lai*	

STT	Nội dung	Số lượng biên lai
7	Số biên lai thuế bên được ủy nhiệm thu chưa được trả lại cho bên ủy nhiệm thu ([7] = [5] - [6])	
	- *Loại biên lai* - *Loại biên lai*	
	Trong đó: Số biên lai hủy, ghi hỏng...	
	- *Loại biên lai* - *Loại biên lai*	

b) Về nguyên nhân, biện pháp xử lý số biên lai thuế đã huỷ, ghi hỏng và biên lai chưa sử dụng chưa được trả lại cho bên ủy nhiệm thu:

.....

.....

3. Về việc thanh toán thù lao ủy nhiệm thu

a) Quyết toán việc thanh toán thù lao ủy nhiệm thu:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Nội dung	Số tiền
1	Tổng thù lao ủy nhiệm thu bên được ủy nhiệm thu được hưởng theo số thuế đã thu được nộp vào Ngân sách Nhà nước	
2	Tổng thù lao ủy nhiệm thu bên ủy nhiệm thu đã thanh toán cho bên được ủy nhiệm thu	
3	Tổng thù lao ủy nhiệm thu bên ủy nhiệm thu còn phải thanh toán cho bên được ủy nhiệm thu ([3] = [1] - [2])	

b) Về nguyên nhân, biện pháp xử lý số tiền thù lao bên ủy nhiệm thu còn phải thanh toán cho bên được ủy nhiệm thu (chưa thanh toán cho bên được ủy nhiệm thu):

.....

.....

4. Các vấn đề khác (nếu có): Hành vi vi phạm hợp đồng của các bên, trách nhiệm của các bên trong việc giải quyết các vấn đề còn tồn tại.....

.....

.....

Biên bản này gồm có..... trang, được lập thành..... bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên giữ.... bản./.

BÊN ỦY NHIỆM THU	**BÊN ĐƯỢC ỦY NHIỆM THU**
(Chức danh người đại diện)	*(Chức danh người đại diện - nếu có)*
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)	*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu - nếu có)*

(Xem tiếp Công báo số 407 + 408)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ:	Số 01, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:	
- Nội dung:	080.44417
- Phát hành:	080.48543
Email:	congbao@chinhphu.vn
Website:	http://congbao.chinhphu.vn
In tại:	Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng